

Số: 1558 /QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 18 tháng 5 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội
theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020
của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 42/NQ-CP ngày 09 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ về các biện pháp hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Căn cứ Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19;

Trên cơ sở Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Trên cơ sở Văn bản số 5406/UBND-KGVX ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Kế hoạch số 4979/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh thực hiện Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thực hiện các chính sách hỗ trợ người dân gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Xét đề nghị của Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa tại Công văn số 5891/UBND-VX ngày 12 tháng 5 năm 2020 về việc danh sách hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội gặp khó khăn do đại dịch Covid-19 theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội tại Tờ trình số 141/TTr-LĐTBXH ngày 18 tháng 5 năm 2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt danh sách và kinh phí hỗ trợ đối tượng bảo trợ xã hội theo Quyết định số 15/2020/QĐ-TTg ngày 24 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ trên địa bàn thành phố Biên Hòa gồm 15.980 đối tượng và tổng kinh phí hỗ trợ là 23.831.900.000 đồng (hai mươi ba tỷ, tám trăm ba mươi một triệu, chín trăm ngàn đồng chẵn); cụ thể:

1. Có 15.829 người được hỗ trợ 03 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 23.743.500.000 đồng.

2. Có 50 người chết trong tháng 4 năm 2020: Hỗ trợ 01 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 25.000.000 đồng.

3. Có 07 người chết trong tháng 5 năm 2020: Hỗ trợ 02 tháng (500.000 đồng/người/tháng), với số tiền là 7.000.000 đồng.

4. Có 94 người là đối tượng bảo trợ xã hội bán vé số: Đã được chi hỗ trợ 900.000 đồng từ Công ty TNHH MTV Xổ số kiến thiết và Dịch vụ tổng hợp Đồng Nai, tiếp tục chi hỗ trợ bổ sung 600.000 đồng/người, số tiền là 56.400.000 đồng.

(Danh sách đính kèm)

5. Kinh phí thực hiện: Sử dụng từ nguồn ngân sách thành phố Biên Hòa (50% dự phòng ngân sách thành phố năm 2020 và nguồn cải cách tiền lương còn dư ngân sách thành phố).

Điều 2. Tổ chức thực hiện

Giao UBND thành phố Biên Hòa chỉ đạo Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội hợp đồng với Bưu điện cùng cấp chi trả kịp thời, đúng đối tượng; kiểm tra, rà soát đảm bảo việc chi trả đúng đối tượng; minh bạch, công khai, chống trùng.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Lao động - Thương binh và Xã hội, Tài chính; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Giám đốc Bưu điện tỉnh; Chủ tịch UBND thành phố Biên Hòa và các cá nhân tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- UBNDTTQVN tỉnh và các đoàn thể;
- Chủ tịch, PCT. UBND tỉnh;
- Chánh, PCVP. UBND tỉnh;
- Lưu: VT, KGVX, KTNS.



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hòa Hiệp

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN TỰNG BẢO TRỢ XÃ HỘI ĐANG HƯỞNG TRỢ CẤP XÃ HỘI HÀNG THÁNG
ĐƯỢC HỖ TRỢ DO ẢNH HƯỞNG BỞI DỊCH COVID-19 TẠI TP. BIÊN HÒA**
(Kèm theo Quyết định số: 1558/QĐ-UBND ngày 18 tháng 5 năm 2020 của Chủ tịch UBND tỉnh)

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19		
I. PHƯỜNG AN BÌNH										
1	1	Lê Hồng Phúc		12/30/1941	270044121	4/5 kp4	NCT có đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
2	2	Nguyễn Thị Xí		6/1/1936	270033958	26/2 kp4	NCT có đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
3	3	Bùi Thị Vuông		1/1/1939	140639470	4B tổ 12 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
4	4	Cao Thị Hai		2/10/1936	270038464	56/4, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
5	5	Cao Thị Huệ		1/1/1932	2701311188	2B/96 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
6	6	Chu Thị Hợi		4/11/1932	180272561	117 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
7	7	Chương A Cẩm		1/1/1932	53/1 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		
8	8	Đặng Thái Học		1/1/1930	272697560	196 tổ 2 KP11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
9	9	Đặng Thị Hiệp		3/4/1940	270034262	3/5 tổ 9 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
10	10	Đặng Thị Lâm		1/1/1932	270089947	66/4E Tổ 9 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
11	11	Đặng Thị Ngón	1/1/1932		270033961	24/2 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
12	12	Đặng Thị Tâm		1/1/1932	272677449	58 tổ 9 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
13	13	Đào Thị Tám		1/1/1932	270033961	24/2 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
14	14	Đào Thị Tường		1/1/1928	272677449	15H tổ 13 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
15	15	Dìn Tổng Phát		1/1/1931	270038027	172/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
16	16	Dinh Thị Hoàng		1/1/1929	270038027	172/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
17	17	Dinh Thị Nức		3/3/1934	270031953	163/1 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
				1/1/1930	150626706	9D KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Page 1 of 2

18	18	Đinh Thị Túc		6/8/1936	270031833	166/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
19	19	Đinh Văn Long	1/1/1931		270040848	C14 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
20	20	Đỗ Thị Bì		1/1/1939	270033717	86/1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
21	21	Đỗ Thị Dân		10/9/1933	270034524	4/5 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
22	22	Đỗ Thị Mến		1/1/1928	270044260	22/5 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
23	23	Đỗ Thị Một		2/1/1936	272500460	2/6, KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
24	24	Đoàn Phước Linh	1/1/1929		270044304	5B kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
25	25	Đoàn Thị Cài		1/1/1940	270029601	76 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
26	26	Đoàn Thị Ngơ		1/1/1935	270625362	19E/4A kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
27	27	Dư Ngọc Quyên		1/1/1932	270032576	C14 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
28	28	Dương Thị Diễm		1/1/1935	190820939	98A kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
29	29	Dương Thị Hình		1/1/1939	272436785	78 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
30	30	Đường Thị Khương		1/1/1932	272247952	48/5A kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
31	31	Dương Thị Vy		1/1/1929	272704511	7B tổ 13 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
32	32	Hà Thị Tèo	11/12/1939		985450145	89/4 tổ 4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
33	33	Hà Văn Minh	5/3/1937		190303478	18A kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
34	34	Hồ Bắc Bửu		1/1/1936	272247329	1/28 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
35	35	Hồ Thị Bé		1/1/1935	270047728	60/4A, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
36	36	Hồ Thị Hào		1/1/1928	270046451	25/7/1 tổ 5 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
37	37	Hồ Thị Muốn		1/1/1937		4C KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.000.000	Chết T5/2020
38	38	Hoàng Thị Thủy		1/1/1939	272272790	2 tổ 10 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
39	39	Hoàng Thị Tỷ	1/1/1930		140384502	17/5/15 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
40	40	Huỳnh Hữu Kế		5/10/1938	270045607	83 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
41	41	Huỳnh Thị Năm		1/1/1937	270854063	50b/3 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
42	42	Huỳnh Thị Tài		3/3/1933	270032777	1/5/7 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
43	43	Huỳnh Thị Tươi	1/1/1939		270040437	B6/2 tổ 9 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
44	44	Huỳnh Văn Chuyển		1/1/1934	270029975	tổ 10 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
45	45	Kiều Thị Thục		1/1/1931	270031883	143/2 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
46	46	Lã Thị Kiên		1/1/1929	270032908	108/5 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
47	47	Lâm Thị Deo		1/1/1932	310039871	KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
48	48	Lâm Thị Nở	1/1/1928		270032548	C5 tổ 18 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
49	49	Lâm Văn Sang	1/1/1932		200047005	23 tổ 9 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
50	50	Lê Thanh Tông			270038215	114/2 tổ 9 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hệ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
51	Lê Thị Ba		01/01/27	270047792	2/109, tổ 1 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
52	Lê Thị Chính		01/01/32	270029985	68/2D tổ 5 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
53	Lê Thị Được		06/05/36	272680309	138 tổ 10D kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
54	Lê Thị Gìn		01/01/28	271611377	11C tổ 3 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
55	Lê Thị Hồng		01/01/32	270032558	C15 cư xá Cogido KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
56	Lê Thị Hương		08/02/39	270139169	9/7 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
57	Lê Thị Lang		01/01/37	272112793	90/2A kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
58	Lê Thị Liễu		01/01/35	270138249	55/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
59	Lê Thị Lự		01/01/40	270029734	2/11 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
60	Lê Thị Minh Nguyệt		04/10/39	184250650	347 kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
61	Lê Thị Ngọc		01/01/31	270038053	12/13 tổ 7 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
62	Lê Thị Nguyệt		03/23/37	270046773	01 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
63	Lê Thị Oanh	09/07/39		270038306	106/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
64	Lê Thị Phương		01/01/37	270038524	59/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
65	Lê Thị Tha		01/01/39	272052570	66A kp11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
66	Lê Thị Thôi		05/20/35	270029426	2/47 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
67	Lê Thị Xê		11/20/39	270123080	123 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
68	Lê Tốt	01/01/36		270038001	140/5 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
69	Lê Văn Liễu	12/15/36			2/57 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
70	Lê Văn Nê	01/01/39		270046272	72 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
71	Lê Văn Phùng	12/11/35		270038002	142/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
72	Lê Văn Thạch	01/01/28		270032440	5/37 tổ 16 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
73	Lương Thị Bé		01/01/38	270040500	1/5B kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
74	Lương Thị Tiến		01/01/19	272530815	15/13 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
75	Lý Ba	08/11/38		270048603	10 k2 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
76	Lý Thị Lầy		01/01/29	270038350	102/12 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
77	Mai Thị Thân		01/01/38	272883995	11D tổ 12 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
78	Mai Văn Trác	08/05/38		272289844	7/A8 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
79	Nghiêm Thị Sáo		01/01/32	272502361	34/14 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
80	Ngô Huỳnh	03/02/37			268/35 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
81	Ngô Thị Ba		01/01/39	270949422	1/7B kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
82	Ngô Thị Cút		01/01/38	270029937	49/3 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
83	Ngô Thị Nê		01/01/34	270034437	13/5 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
84	Ngô Thị Ngánh		04/09/34	270038384	Tổ 13 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
85	Ngô Thị Thiên		09/19/39	270034019	15/23 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
86	Ngô Thị Tình		01/01/33	330618453	141/5 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
87	Ngô Văn Sử	01/01/32		270135744	D281 T1 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
88	Nguyễn Đăng Trình	03/16/36		270033985	27/5 tổ 3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
89	Nguyễn Đức Hoàn	10/20/37			71A kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
90	Nguyễn Ngọc Sỏi	01/01/38		270040863	25/33/51/15 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
91	Nguyễn Nhưồng	01/01/30		270029470	1/87 KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
92	Nguyễn Tam Trí	08/03/38		272944082	48/5A kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
93	Nguyễn Thị Bày		01/01/27		50A2 tổ 9C KP12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
94	Nguyễn Thị Biền		08/20/38	270034301	43/3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
95	Nguyễn Thị Bình		01/01/32	270156700	D1 cư xá cơ giới 9 Kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
96	Nguyễn Thị Bon		09/09/39	270033807	98/3 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
97	Nguyễn Thị Bút		01/01/39	272239054	kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
98	Nguyễn Thị Chanh		06/20/37	272311456	51 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
99	Nguyễn Thị Chính		01/01/32	270224885	1/46 tổ 2 Kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
100	Nguyễn Thị Cua		01/01/28	270044635	52/5 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
101	Nguyễn Thị Cúc		03/02/35	270607709	87/4C tổ 3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
102	Nguyễn Thị Dán		01/01/31	270116020	50/8 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
103	Nguyễn Thị Dần		01/01/28	270038595	69/1 tổ 9 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
104	Nguyễn Thị Diệu		01/01/25		30/3 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
105	Nguyễn Thị Đôi		01/01/25	200650672	2/41 tổ 5 KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
106	Nguyễn Thị Dự		02/12/39	270029782	25/68 kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
107	Nguyễn Thị Giàu		01/01/37	270029746	2/5 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
108	Nguyễn Thị Hải		01/27/38	110496415	A17 kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
109	Nguyễn Thị Hoa		01/01/36	270034415	31/1 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
110	Nguyễn Thị Hồng Xuyên		01/01/39	270893932	70/6Q kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
111	Nguyễn Thị Hương		01/01/35	270038063	133/2, Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
112	Nguyễn Thị Khán		06/05/34	180648971	56/13 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
113	113	Nguyễn Thị Khuyên	01/01/22	270032477	3E/23, KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
114	114	Nguyễn Thị Kiều	01/01/33	270125532	100/10 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
115	115	Nguyễn Thị Kim Cường	11/15/35	270447379	B6, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
116	116	Nguyễn Thị Lăng	01/01/39	273409989	52/1B kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
117	117	Nguyễn Thị Liễu	01/01/35	270040365	10/80 kp6	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
118	118	Nguyễn Thị Liễu	01/01/34	270038043	122/2 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
119	119	Nguyễn Thị Lụa	01/01/39	270747070	90/5 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
120	120	Nguyễn Thị Lụa	01/01/32	270747070	46/5 tổ 7 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
121	121	Nguyễn Thị Luận	01/01/30	270034361	30H1 tổ 13 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
122	122	Nguyễn Thị Luyến	05/10/38	270153739	93 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
123	123	Nguyễn Thị Mai	01/01/35	272680580	1/79 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
124	124	Nguyễn Thị Mạnh	01/01/33	270033934	31/5 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
125	125	Nguyễn Thị Mát	01/01/37	210656014	71/28/11 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
126	126	Nguyễn Thị Mây	01/01/38	270048529	1/2A kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
127	127	Nguyễn Thị Mèo	01/01/22	130 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		
128	128	Nguyễn Thị Nền	06/18/35	272368774	D6 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
129	129	Nguyễn Thị Nét	01/01/21	270127103	70, KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
130	130	Nguyễn Thị Nghiê	01/01/36	021515594	55/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
131	131	Nguyễn Thị Nghiêm	07/18/37	270034554	kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
132	132	Nguyễn Thị Nguyệt	11/01/36	270436312	42/4 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
133	133	Nguyễn Thị Nhân	01/01/32	270038549	3/2 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
134	134	Nguyễn Thị Nờ	06/12/39	270034081	A7 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
135	135	Nguyễn Thị Nụ	01/01/31	272445608	104/10 tổ 11	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
136	136	Nguyễn Thị Núi	01/01/32	68/6 Tổ 1B Kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		
137	137	Nguyễn Thị Phao	01/01/40	89/2 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		
138	138	Nguyễn Thị Phùng	01/01/35	01A17 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		
139	139	Nguyễn Thị Quánh	01/01/36	1/2 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		
140	140	Nguyễn Thị Rất	01/01/21	30, KP12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000		
141	141	Nguyễn Thị Riết							
142	142	Nguyễn Thị Riết							

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	ĐỐI tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
143	Nguyễn Thị Sáu		01/01/34	270227071	10E/75 KP7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
144	Nguyễn Thị Sinh		01/01/28	270032449	KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
145	Nguyễn Thị Sơn		01/01/38		1/11 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
146	Nguyễn Thị Thân		01/01/31	270040633	173/10 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
147	Nguyễn Thị Thanh		01/01/35	180423843	114/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
148	Nguyễn Thị Thành		06/06/37		1/28, KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
149	Nguyễn Thị Thảo		12/02/34		49/13 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
150	Nguyễn Thị Thập		09/24/37	270038100	69/5C kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
151	Nguyễn Thị Tháy		02/20/37		90C tổ 9C kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
152	Nguyễn Thị Thiện		01/01/27	276071226	158 tổ 16 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
153	Nguyễn Thị Thu Ba		01/01/37		5B kp5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
154	Nguyễn Thị Thương		01/01/40	270040158	166/2 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
155	Nguyễn Thị Thương		01/01/30		88 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
156	Nguyễn Thị Thường		01/01/31	271474335	63B/5 tổ 17 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
157	Nguyễn Thị Tô		01/01/33	270029568	1/28 KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
158	Nguyễn Thị Tròn		01/01/36		19A/4 tổ 5 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
159	Nguyễn Thị Tư		01/01/35	270038563	63/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
160	Nguyễn Thị Túy Hoa		12/23/39	270808383	1/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
161	Nguyễn Thị Tỷ		01/01/38	272084168	62 tổ 4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
162	Nguyễn Thị Út		01/01/37		49B kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
163	Nguyễn Thị Út		01/01/40	270038472	67/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
164	Nguyễn Thị Út		01/01/31	160579666	Tổ 3 KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
165	Nguyễn Thị Yêng		11/09/34	270038262	B7 lô B CXXCN kp9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
166	Nguyễn Thiện Tân	03/02/37			24 tổ 10 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
167	Nguyễn Thu	01/01/29		270237472	165/5 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
168	Nguyễn Văn Ba	01/01/25		270038443	1/57 KP12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
169	Nguyễn Văn Châu	01/01/30		270029925	55/5 tổ 4 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
170	Nguyễn Văn Cửu	01/01/35		120245835	1/40 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
171	Nguyễn Văn Doanh	01/01/38			15 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
172	Nguyễn Văn Khúc	01/01/33		270034593	9/7 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
173	Nguyễn Văn Lân	04/20/34		270031882	68/1 tổ 9 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
174	Nguyễn Văn Uy	07/27/33		270056982	143/2 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tương Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
175	175	Nguyễn Văn Vinh	01/01/27			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
176	176	Nguyễn Việt Nam	01/01/39			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
177	177	Nhân Thị Hoa				NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
178	178	Nông Thị Em	01/01/37			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
179	179	Phạm Bá Mạnh	01/01/31			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
180	180	Phạm Thị Ba	10/07/37			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
181	181	Phạm Thị Chung	01/01/29			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
182	182	Phạm Thị C6	01/01/40			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
183	183	Phạm Thị Don	01/01/31			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
184	184	Phạm Thị Gái	01/01/36			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
185	185	Phạm Thị Huân	01/01/34			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
186	186	Phạm Thị Lái	01/01/27			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
187	187	Phạm Thị Nhật	01/01/22			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
188	188	Phạm Thị Phụng	04/12/34			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
189	189	Phạm Thị Thảo	01/01/40			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
190	190	Phạm Thị Vân	01/01/35			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
191	191	Phạm Thị Vinh	01/01/24			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
192	192	Phạm Thị Xuân	01/01/23			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
193	193	Phạm Văn Lũy	01/01/32			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
194	194	Phan A Nhi	01/01/37			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
195	195	Phan Phương	01/01/27			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
196	196	Phan Thị Đây	01/01/24			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
197	197	Phan Thị Năm	01/01/32			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
198	198	Phan Thị Thi	01/01/33			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
199	199	Phan Thị Xúy	04/19/36			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
200	200	Phan Văn Kiếp	01/01/29			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
201	201	Tạ Thị Tiến	01/01/30			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
202	202	Thái Thị Ó	01/01/34			NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
203	Thái Thị Tương		01/01/23	270044264	19B tổ 5 KP12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
204	Thân Thị Tĩnh		01/01/36	210656132	32/1 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
205	Tô Thị Chảy		01/01/38		68 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
206	Toán Thị Dược	01/01/27			Tổ 5 Kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
207	Trần Đức Quế	01/16/39		270034148	71/28/11 kp12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
208	Trần Thị Chín		01/01/33	270034327	14/1 tổ 10 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
209	Trần Thị Chức		01/01/35	270093975	22/4 kp8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
210	Trần Thị Hạnh		01/01/31		22/5 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
211	Trần Thị Huệ		10/15/34		109/14 tổ 14	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
212	Trần Thị Hương		01/01/34	270123106	89A/13 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
213	Trần Thị Liễu		01/01/37	270038835	119/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
214	Trần Thị Lùn		01/01/38	272845606	1/3 tổ 11 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
215	Trần Thị Mão		01/01/39	272845606	3A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
216	Trần Thị Mẫu		01/01/38	270080757	29 khu dân cư An Bình	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
217	Trần Thị Ớt		01/01/32	270013258	5/5D tổ 3 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
218	Trần Thị Sâm		01/01/39	270034242	11/2C kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
219	Trần Thị Thâm	01/01/40		270032868	68/5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
220	Trần Thị Thảo		01/01/40	270746902	4/2 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
221	Trần Thị Trám		01/01/30	270040183	159 tổ 16 KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
222	Trần Thị Xuân Lan		10/06/39	270317713	tổ 8A kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
223	Trần Văn Chiêu	01/01/35		230038354	102/3 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
224	Trần Văn Hiền	05/14/34		270038245	101/1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
225	Trần Văn Ní	01/01/38		270034155	7/2 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
226	Trần Văn Quận	01/01/35		270033775	kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
227	Trần Văn Sầu	10/09/33			16 cư xá đường KP10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
228	Trần Văn Soan	01/01/35		271034353	43/2 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
229	Trịnh Ngọc Tuấn	01/01/40		270040536	3/22 kp7	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
230	Trịnh Thị Hạc		01/01/31	202050430	22 Tổ 11 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
231	Trịnh Thị Rum		11/29/37	270088121	63 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
232	Trương Ngọc Ánh		01/01/31		63/2B KP8	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
233	Trương Thị Cúc		01/01/40		65/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
234	234 Trương Thị Oanh		01/01/35	230033776	kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
235	235 Trương Văn Sát	01/01/31			Tổ 5 KP9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
236	236 Trương Văn Tuồng	01/01/38		270033785	tổ 1 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
237	237 Trương Văn Xê	01/01/29		270033928	90/5 tổ 4 KP12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
238	238 Văn Thị Yên		01/01/25	190217633	2C KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
239	239 Võ Thị Bương		01/01/39	272098117	524/31/4 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
240	240 Võ Thị Giới		01/01/32	270031730	126/4 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
241	241 Võ Văn Được	01/01/24		270242226	80/5 KP12	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
242	242 Vòng Nhộc Zénh		01/01/25		156/3 tổ 3 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
243	243 Vòng Lý Múi		01/01/37		15B tổ 2 kp10	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
244	244 Vũ Thị Bưởi		01/01/39	272897227	94D/13 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
245	245 Vũ Thị Ân		01/01/32	270705208	43/5 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
246	246 Vũ Thị Len		01/01/37		33/1 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
247	247 Vũ Thị Ngơ		01/01/26	272709713	77A Tổ 7, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
248	248 Vũ Thị Thanh		01/01/23	270034085	4/5 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
249	249 Vũ Thị Tuyết Liên		01/01/30	270033989	19/1 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
250	250 Vy Thị Thành	01/01/27		270138218	174/5 tổ 1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
251	251 Xeng Ni Dòm		01/01/30		503/C4 Khu dân cư KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
252	252 Cao Thọ Tường	01/01/68		270771156	1/114 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
253	253 Đậu Xuân Hào	10/10/68			300/16 kp11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
254	254 Đinh Hoàng Trúc Ly		01/01/03		402/72 tổ 8 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
255	255 Đỗ Duy Lam	01/01/78		271358823	45/4 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
256	256 Đỗ Thị Như Lụa		01/01/71	270970024	45/4 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
257	257 Đỗ Thị Thúy Hằng		01/01/99	271416300	63A/3 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
258	258 Dương Công Huy	01/01/81		272794898	73 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
259	259 Huỳnh Nguyễn Hoàng Minh	01/01/93			54/2 tổ 1 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
260	260 Huỳnh Thị Mỹ Thanh		05/25/65	270819139	75/5 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
261	261 Huỳnh Văn Ut	01/01/74		272189235	24/5 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
262	262 Lê Đăng Thanh Thảo		01/01/81	271241777	71 tổ 4 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
263	263 Lê Hồng Bảo Vũ	01/01/75		270041567	47/5 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
264	Lê Thị Hồng Liên		01/01/61	271611276	Cư xá điện quang KP5	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
265	Lê Thoại Anh		01/01/03		C11 CX Cogido, KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
266	Lê Văn Thắng	01/01/84		271611036	164/4 tổ 1 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
267	Lê Văn Tuyền	01/01/81		271416038	164/4 tổ 1 kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
268	Lý Trương Thu Mai		01/01/92		32/8 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
269	Nguyễn Hải Hà		06/03/85	272804301	kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
270	Nguyễn Mỹ Duyên		01/08/01		40/1 tổ 8 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
271	Nguyễn Ngọc Hiệp	10/24/93		272298575	kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
272	Nguyễn Như Hiệp	01/01/71		270148077	2/123 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
273	Nguyễn Phương	07/02/73			67/5 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
274	Nguyễn Phương Linh Phụng		01/06/97	272568683	15/3 kp4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
275	Nguyễn Quang Danh	07/27/01			58 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
276	Nguyễn Quang Tùng	01/01/78		271493479	2 tổ 9B Kp12	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
277	Nguyễn Quốc Chí	12/11/94		272376593	282/2 tổ 3 KP11	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
278	Nguyễn Thanh Giang	05/17/70		272616489	A5 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
279	Nguyễn Thế Anh	01/01/03			69/3 KP10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
280	Nguyễn Thị Hồng Vàng		01/01/89	272193289	55/4A tổ 4 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
281	Nguyễn Thị Huyền Trinh		01/01/92	272386046	36D, Tổ 3, KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
282	Nguyễn Thị Tuyết		01/01/68	270034147	143/4, Tổ 6, KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
283	Nguyễn Văn Châm	08/13/81		221059164	68/13 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
284	Nguyễn Văn Liêm	01/01/67		272857085	1/34 kp8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
285	Phạm Minh Hà	01/01/03			B5A KP7	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
286	Phạm Thị Thủy		01/01/72		61/2B tổ 6 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
287	Phan Minh Khôi	01/01/87		272369673	kp1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
288	Phan Nguyễn Tuấn Dũng	03/15/82		131381031	A5 tổ 3 KP9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
289	Trần Duy Hải Triều	05/15/93		272300034	52/1F tổ 1 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
290	Trần Thành Công	01/01/90			1/109 tổ 3 KP8	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.000.000	Chết T5/2020

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/hệ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
291	Trình Minh Thủy		01/01/85		91/4G KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
292	Trình Thu Hồng Giang		01/01/01		39C KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
293	Võ Anh Tuấn	01/01/71		2726000374	168 kp10	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
294	Vòng Minh Nhi	01/01/99		272610008	174A tổ 11 KP12	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
295	Vòng Quang Kỳ	01/01/96		272486470	174A tổ 11 KP12	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
296	Cao Thị Phương		10/28/44	270105589	61/2B tổ 16 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
297	Đàm Đình Ninh	04/20/51			44 KP12	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
298	Đậu Thị Thoại		05/05/46	187166411	30 tổ 8 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
299	Đỗ Văn Chương	01/01/42		270010541	30/5 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
300	Kiều Văn Minh	03/10/43		270033886	84/2 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
301	Lê Công Bằng	06/29/58			69/2B tổ 6 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
302	Lê Thị Lợi		03/03/51	025179023	37 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
303	Lê Thị Ngọc Quý		12/30/57		tổ 1B kp12	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
304	Ngô Thị Súa		10/30/44	270033870	86/3 tổ 4A KP12	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
305	Nguyễn Duy Lễ	08/16/54			84K KP12	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
306	Nguyễn Thị Nguyệt		01/01/53		70/6B kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
307	Nguyễn Thị No		01/01/42	272940242	9A Cư xá Khu CN kp10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
308	Nguyễn Thị Oanh		01/01/57		143/4, Tổ 6, KP1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
309	Nguyễn Thị Thái		05/05/46	272717689	kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
310	Phạm Thị Minh		06/09/56	271668541	75/9 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
311	Phan Thanh Hòa	01/01/57		271611909	Lô 3B KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
312	Trần Thị Bé		01/01/37		67/5 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
313	Trần Thị Thắm		01/01/58	270038249	109/2 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
314	Trần Thị Yên		08/04/58	270041930	31/1B tổ 13 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
315	Trình Thị Nguyệt		02/20/58	270048117	45B tổ 11 kp9	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
316	Trương Công Chức	03/07/45		270554566	33/5B kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
317	Vũ Thị Thu Nguyệt		10/15/45	270131601	86B/4 KP12	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
318	Bùi Ngọc Long	01/01/05			102 tổ 11 KP12	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
319	Cho Hoàng Long	07/22/07			tổ 11 kp10	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
320	Đào Chế Trường Khai	09/14/10			38D tổ 11C KP12	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
321	Đỗ Duy Đạt	04/28/06			133/2 KP1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
322	Dương Quỳnh Như		12/01/07		15 KP10	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
323	Hoàng Bảo Hân		08/19/16		24A kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
324	Huỳnh Công Minh Phước	12/09/05			34/5 tổ 5 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
325	Lê Hồng An	01/01/08			10B Tổ 6, KP5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
326	Lê Minh Nhật	01/01/06			31H tổ 13 KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
327	Lê Phước Thiện	08/31/15			1 tổ 7 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
328	Lê Tháo Như		03/14/05		160A tổ 16 KP10	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
329	Lê Thị Khánh Tuyết		06/22/16		72/6 kp12	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
330	Nguyễn Bá Quốc	01/01/05			143/1 KP1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
331	Nguyễn Lê Thiên Lộc	01/01/06			33/2B, Tổ 3, KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
332	Nguyễn Ngọc Như Ý		05/31/10		139/2 Kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
333	Nguyễn Ngọc Quỳnh Anh		12/05/11		1/31 kp8	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
334	Nguyễn Nhất Minh	01/01/06			18/8B KP5	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
335	Nguyễn Thị Thúy		01/20/11		48 tổ 4C kp12	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
336	Nguyễn Thiện Nhân	12/31/09			48/5 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
337	Nguyễn Thiện Phúc	01/01/05			30A2 tổ 12 KP10	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
338	Phạm Lê Phương Anh		12/12/12		58/1 tổ 15 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
339	Phan Huyền Trang		04/04/05		A5 tổ 3 KP9	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
340	Phan Nguyễn Thành Long	10/10/10			01A tổ 8 KP12	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
341	Võ Hoàng Cát Tường		01/25/14		102, tổ 8, kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
342	Bé Thị Ngọc Hương		03/23/88	271936410	136/2 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
343	Bùi Thị Lan	01/01/78		270746778	33/2 tổ 5 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
344	Bùi Thị Thủy Tiên		01/01/61	270033938	31/3, Tổ 3, KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
345	Bùi Văn Hồng	01/01/64		182317056	12B/12 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
346	Đặng Thị Kim Vân		01/01/79	271353984	124/4B tổ 5 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
347	Đặng Thị Vĩnh Hưng		05/11/90	272272214	15C tổ 10 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
348	Đào Thị Bích Mai		01/18/80	271358739	4E/32 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
349	Đinh Nhã Trinh		01/01/86	271885544	3/3A, Kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
350	Đinh Văn Khang	08/25/68		201052108	98/5 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
351	Đinh Văn Khiêm	09/02/63		271630134	tổ 12 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
352	Đỗ Thanh Phong	02/10/94		272338046	57/1/35 Trần Quốc Toàn KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
353	Đỗ Trường Hải	04/22/03			33 tổ 9 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
354	Giồng Thị Phụng		01/01/66	270705270	122/4 KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
355	Hà Văn Tuấn	01/01/64			138 kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
356	Hà Việt Cường	01/01/78			01NA tổ 7 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
357	Hồng Quang Vũ	01/01/88		232050165	124/5 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
358	Hồng Thị Mùi		12/20/60	270048630	124/3 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
359	Huỳnh Hữu Nghĩa	01/01/66		270746655	6/50 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
360	Huỳnh Ngọc Toàn	01/01/71		270951323	63/2 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
361	Huỳnh thi Sáu		01/30/71	271478657	170 kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
362	Huỳnh Văn Long	10/04/67		271385771	2B/104 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
363	Lại Văn Luyện	01/01/64		272480719	47A tổ 9C KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
364	Lâm Thanh Hải	01/01/63		270029641	1/27 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
365	Lê Đình Tân		09/03/81	271416118	25/199 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
366	Lê Hoàng Phương Anh		01/01/93		10 tổ 11 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
367	Lê Minh Hoàng	01/01/92		272267115	87/4A KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
368	Lê Ngọc Hải	10/10/65		272095824	62K kp12	NKT nặng	450.000	1.500.000	
369	Lê Ngọc Vinh	01/01/65		272446824	50/2 tổ 4A KP12	NKT nặng	450.000	1.500.000	
370	Lê Thanh Mẫn	07/13/59		270041532	82/2 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
371	Lê Văn Châm	09/10/59		270032543	172 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
372	Lê Văn Thảo	01/01/68			128 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
373	Lê Việt Thắng	08/02/61		270729741	B3 cư xã giấy Đông Nai kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
374	Lương Văn Thảo	01/01/74		272805796	136 CX đường KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
375	Lưu Duy Tiến	09/14/91		272369285	16/1 Kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
376	Lưu Minh Hoàng Trường Hân	03/28/95			22A tổ 20 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
377	Lưu Thị Anh Thi		10/19/83	271609634	15/3 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
378	Mai Dương Kim Hồng		01/01/93	272446271	64/5B tổ 8 Kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
379	Mai Quốc Vượng	09/06/82			63A/3 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
380	Mai Thị Cẩm Tú		01/01/83	271544555	9/2A KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
381	Mai Thị Thanh Hương		01/01/62	270029833	33/258, KP8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
382	Mai Văn Bộ	12/22/78			kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
383	Nguyễn Châu Long	02/03/83		271437347	6/4B kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
384	Nguyễn Chí Cường	01/01/83		271671469	Tổ 4C KP12	NKT nặng	450.000	1.500.000	
385	Nguyễn Công Nhuận	01/01/67		181396671	M10 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
386	Nguyễn Đình Sơn	01/01/93		272445078	11/14 tổ 14 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
387	Nguyễn Đức Thọ	06/15/66		270746878	15/125 ex Cogido KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
388	Nguyễn Hải Triều	04/23/03			56/1 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
389	Nguyễn Hoài Minh Quân	09/27/00			80/4A KP12	NKT nặng	450.000	1.500.000	
390	Nguyễn Hữu Phước	01/01/64		270038493	63/2A KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
391	Nguyễn Kim Phụng		10/27/83		25, KP8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
392	Nguyễn Lê Thiên Duy	01/07/98		272623561	33/2B KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
393	Nguyễn Minh Tuấn	01/01/70			82/4 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
394	Nguyễn Nam Hà	01/29/60		270062773	4/5 tổ 8 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
395	Nguyễn Phương Hiền		01/16/03		2B tổ 7 kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
396	Nguyễn Quốc Kỳ	01/01/65		270866443	27/4 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
397	Nguyễn Tấn Dũng	01/01/67		310678106	1/25 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
398	Nguyễn Thái Sơn	01/01/69		270771965	34 tổ 6 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
399	Nguyễn Thăng Long	10/10/73			501 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
400	Nguyễn Thị Anh		01/01/74	270633360	26/12 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
401	Nguyễn Thị Bình		01/01/77		23/B14A KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
402	Nguyễn Thị Bình		01/01/77	231589320	1/13 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
403	Nguyễn Thị Đào		11/22/81	272049586	139 tổ 10 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
404	Nguyễn Thị Kim Cúc		06/07/66	270746756	63B/5 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
405	Nguyễn Thị Kim Lan		01/01/71	270949553	34 KP6	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
406	Nguyễn Thị Kim Phụng		12/16/66	270705373	2/123 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
407	Nguyễn Thị Liễu		01/01/75	272600237	1/116 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
408	Nguyễn Thị Lý		03/05/63	272247277	1/29B KP8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
409	Nguyễn Thị Mỹ Dung		02/21/90	312008350	2B CX Cogido KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
410	Nguyễn Thị Ngọc Ánh		01/01/65	270666822	187, KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
411	Nguyễn Thị Phương Dung		01/01/84		102/19	NKT nặng	450.000	1.500.000	
412	Nguyễn Thị Phương Thảo		02/10/92		25C kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
413	Nguyễn Thị Thanh Xuân		02/01/66		24 tổ 1 kp12	NKT nặng	450.000	1.500.000	
414	Nguyễn Thị Trinh Nương		01/01/70	270891070	12/3 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
415	Nguyễn Thị Tú Uyên		01/01/97	271161982	A48 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
416	Nguyễn Thu Hà		01/19/80	272489391	72/1 kp12	NKT nặng	450.000	1.500.000	
417	Nguyễn Thùy Dương		01/01/91	272087500	M11 cư xá cty Bê tông KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
418	Nguyễn Trần Tình	05/03/83			58B kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
419	Nguyễn Trọng Hà	01/01/79			571 tổ 14 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
420	Nguyễn Văn Hiền	02/17/67		271255406	E07/8B kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
421	Nguyễn Văn Hiệp	05/28/68		271946475	89/9 tổ 9 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
422	Nguyễn Văn Hòa	03/27/69		270771377	69/1A kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
423	Nguyễn Văn Hùng	01/01/80		194173055	kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
424	Nguyễn Văn Lập	23/3/1967		7523726816	244 kp12	NKT nặng	450.000	1.500.000	
425	Nguyễn Văn Phúc	01/09/70		270949428	1/56B kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
426	Nguyễn Văn Rõng	01/01/79		271364040	1/40 KP8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
427	Nguyễn Văn Tạo	08/18/81		271416047	Cư xá khai thác cát kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
428	Nguyễn Văn Tinh	01/01/61			4C tổ 10 KP5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
429	Phạm Đăng Cường	01/01/80		271611268	1B tổ 12A Kp10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
430	Phạm Đoàn Anh Thư		11/07/88		31 tổ 5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
431	Phạm Đức Lưu	10/08/78		272358970	119/1 Bis KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
432	Phạm Duy Hưng	01/01/79		271328598	66 tổ 11 Kp12	NKT nặng	450.000	1.500.000	
433	Phạm Quang Thái	09/11/80		231354113	E3 kp6	NKT nặng	450.000	1.500.000	
434	Phạm Thị Hằng		12/16/84	272866465	53/C3 kp11	NKT nặng	450.000	1.500.000	
435	Phạm Thị Lý		01/01/80	271393485	84A tổ 7 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
436	Phạm Trọng Sơn	01/01/89		272269925	16 tổ 11 Kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
437	Phạm Văn Phước	09/29/91		272372313	6/3 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
438	Phan Tấn Phát	01/01/75		270047625	73/4 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
439	Phan Thị Bông		05/10/61	272319710	34 tổ 8 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
440	Phan Thị Thanh Nhân		07/11/72	272123029	45/3 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
441	Phan Văn Sơn	01/01/76		271262018	70/2 tổ 18 Kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
442	Phan Văn Tâm	07/08/63			21/2 kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
443	Quách Thanh Minh	08/18/79		271358991	59/4A tổ 6 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
444	Tăng Thị Út		04/10/77		1/43 tổ 1 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
445	Tăng Văn Giác	02/15/63		270253098	66/1D tổ 17 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
446	Thái Trung Tấn	01/01/98			38 tổ 18 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
447	Thái Văn Dũng	12/06/70		270949373	2/78B kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
448	Tô Quốc Cường	01/01/92		272311274	124/1 Kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
449	Trần Anh Tuấn	12/13/84		172376882	265/1, tổ 5, KP11	NKT nặng	450.000	1.500.000	
450	Trần Quốc Bảo	05/28/68		270721083	70/5 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
451	Trần Thị Thành		01/01/86	162771760	77 tổ 9C kp12	NKT nặng	450.000	1.500.000	
452	Trần Thị Thủy		06/12/75		C13 kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
453	Trần Thị Thủy Hằng		07/30/82	271437289	67 CX đường KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
454	Trần Thị Thủy Hạnh		11/18/83	152383235	C10 kp7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
455	Trần Trung Vĩnh	10/20/62		270029661	2/2A KP8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
456	Trần Văn Hùng	04/26/72		270970267	1C KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
457	Trang Công Toại	01/02/64		270033818	69/2 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
458	Trang Thanh Tuyền		05/05/68	271946794	92/5 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
459	Trịnh Văn Hùng	11/20/63		271021852	D5 cư xá y tế ĐN kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
460	Trịnh Văn Nảy	01/01/61			36 tổ 6 KP9	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
461	Trương Anh Tú	10/18/95		272681524	1/5 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
462	Trương Thế Việt	01/01/74		271645667	97/14 tổ 14B KP3	NKT nặng	450.000	500.000	Chết T4/2020
463	Vầy Quốc Hùng	03/13/82		201508948	95/4, KP1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
464	Võ Hồng Văn	04/24/72		270920816	79 tổ 9C kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
465	Võ Nguyễn An	01/01/89		272087374	2/17 KP8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
466	Võ Thành Đức	10/04/85		271789019	1B/74 kp8	NKT nặng	450.000	1.500.000	
467	Võ Thành Nhiên	01/01/79		271437197	139 KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
468	Võ Thị Nguyệt		06/04/82		20b kp5	NKT nặng	450.000	1.500.000	
469	Vũ Mỹ Linh		01/01/94	272616996	65/3D tổ 4D KP12	NKT nặng	450.000	1.500.000	
470	Vũ Quốc Bảo	03/08/03			85A, tổ 7, KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
471	Vũ Tấn Phát	09/18/89		272040909	S8 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
472	Vũ Thế Hùng	01/01/64		270034246	16/2 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
473	Vũ Thị Bích Ngọc		04/01/79		C4, KP7	NKT nặng	450.000	1.500.000	
474	Vũ Thị Hoài		01/01/92	272224970	01A tổ 7 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
475	Vũ Văn Định	03/24/77			A5 kp9	NKT nặng	450.000	1.500.000	
476	Vũ Xuân Quý	11/10/83		271545197	21E cư xá KCN KP10	NKT nặng	450.000	1.500.000	
477	Bùi Trung Trục	11/29/51		270038083	128/4 Kp1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
478	Bùi Văn Thành	05/01/58		150889416	100B KP3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
479	Châu Thọ	10/13/55		271611554	4/39 KP7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
480	Đặng Thị Ánh Nguyệt		11/13/55	272479400	tổ 3 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
481	Đặng Văn Sơn	08/28/57		200584237	124/4 tổ 7 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
482	Đặng Xuân Vinh	08/18/55		270629296	1/47 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
483	Đào Thị Hoài		06/21/57	240069160	15/46 đường 4 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
484	Đào Thị Loan		07/08/56	270048140	140 kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
485	Đinh Thị Vân		01/01/53	270029727	25/199 KP8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
486	Đinh Tiên Ngừ	10/27/42		272529030	34 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
487	Hà Duy Khiển	12/25/57		272330559	155/4 kp1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
488	Hà Quang Thủy	09/19/54		272337665	19/14 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
489	Hồ Thị Ánh		01/01/54	271999251	50A1, tổ 9C KP12	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
490	Hồ Văn Hòa	05/22/44		270033880	85/2 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
491	Hoàng Thị Sinh		01/01/54		95/4 tổ 7 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
492	Hồng Thị Như Ý		04/10/53	271610216	286/46/5 kp12	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
493	Huỳnh Thị Hồng		11/24/58	270046279	1/22 KP8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
494	La Thị Song		12/08/46	270029488	1/117 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
495	Lê Phúc Thành	06/09/54		270624394	166 kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
496	Lê Sung	01/01/36			506C1 KDC	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
497	Lê Thị Đầu		02/18/57	270060007	122 kp10	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
498	Lê Thị Minh		01/01/56		58/3 tổ 15 KP2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
499	Lộc Viết Phụng	05/31/55			82/5 kp12	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
500	Lý Thị Bầy		01/01/36	021101528	19D/5 tổ 8 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
501	Ngô Văn Bồng	01/01/43			25/95 kp9	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
502	Nguyễn Anh Tuấn	01/01/57			3C1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
503	Nguyễn Hữu Hình	01/01/42		272247124	57/4P kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
504	Nguyễn Hữu Phác	02/24/39		272081502	61 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
505	Nguyễn Khắc Cầu	05/05/58			318 C2 KDC An Bình	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
506	Nguyễn Ngọc Nghĩa	05/01/56		270044195	1/5 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
507	Nguyễn Thị Ánh		01/01/46	270034113	6/1 KP4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
508	Nguyễn Thị Ba		01/01/30	270029651	2/67K tổ 3 KP8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
509	Nguyễn Thị Dương		01/01/30		100/4 tổ 11 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
510	Nguyễn Thị Hạnh		03/02/55	270045147	56/2 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
511	Nguyễn Thị Hoa		01/16/58		B9 kp7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
512	Nguyễn Thị Luận		05/20/58	271489171	83/1 kp12	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
513	Nguyễn Thị Thỉnh		01/15/39	272031501	61 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
514	Nguyễn Thị Thu Hà		01/01/54	270746709	8C tổ 14A kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
515	Nguyễn Thị Thùy		01/01/37	270034391	36/5 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
516	Nguyễn Thị Tĩnh		01/01/52		87/4A tổ 3 KP3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
517	Nguyễn Thị Tý		10/07/57	172248003	11 tổ 8 kp12	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
518	Nguyễn Văn Lung	11/17/57		270719664	2B 154 tổ 5 kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
519	Nguyễn Viết Xuân	12/31/55		270219056	30/4 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
520	Phạm Hữu Phúc	08/03/54		270029692	2/68B kp8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
521	Phạm Thị Hồng		09/15/58	270038210	119/1 KP1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
522	Phạm Văn Duy	03/10/58		271296910	D11 kp5	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
523	Phạm Vĩnh Thanh	01/01/46		270046246	1/22 KP8	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
524	Tà Thị Quý		01/01/52	290737507	01NA tổ 7 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
525	Trần Thanh Liêm	01/01/53		271339644	22/5A KP3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
526	Trần Thị Chi		01/01/43	272536304	47/3 tổ 6 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
527	Trần Thị Danh		01/01/55		125 KP2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
528	Trần Thị Thu		10/09/57		21/66 kp7	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
529	Võ Minh Phụng	06/27/50		270970120	23/1 tổ 8 kp4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
530	Võ Ngọc Huệ		10/05/53	270033836	92/4 KP4	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
531	Võ Văn On	01/20/42		300340653	1/12 kp5	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
532	Vũ Trí Kha	10/10/56		120877464	120/E tổ 11 KP12	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
533	Vương Thị Lại		02/08/58	270041944	84/3 kp3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
534	Bùi Ngọc Yến Nhi		08/14/05		tổ 10 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
535	Bùi Nguyễn An Khang	10/22/12			4D kp10	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
536	Bùi Nguyễn Thành Đạt	10/22/12			4D kp10	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
537	Bùi Thị Thảo Chi		04/30/18		16 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
538	Cao Phương Nhi		01/07/04		821/1B Kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
539	Chu Công Phương Nam	01/20/06			7H, KP2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
540	Đặng Tú Uyên		01/01/05		24B tổ 1 KP12	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
541	Đinh Thị Diễm Xuân		03/10/07		1/1 kp8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
542	Đỗ Cát Tiên		06/16/08		C20 KP7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
543	Đỗ Nguyễn Hải Dương	01/01/07			CX bê tông KP10	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
544	Dương Hồng Gia Bảo	01/14/08			A9 tổ 12 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
545	Dương Văn Lộc	10/07/13			38 kp5	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
546	Hà Gia Huy	11/04/14			19/14 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
547	Hoàng Quang Nhật	07/15/06			153/4 kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
548	Hoàng Trung Hiếu	09/14/05			XN gỗ Long Bình	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
549	Kiều Ngọc Phát	06/30/05			89/6 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
550	Lư Hoài Nam	05/22/08			102/5 Bì tổ 10 kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
551	Nguyễn Bá Tuấn	01/01/08			84 tổ 9 KP3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
552	Nguyễn Gia Hoàng	12/12/08			20, tổ 7, KP5	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
553	Nguyễn Ngọc Quỳnh Như		08/21/09		6/1 KP4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
554	Nguyễn Quốc Chuyển	03/17/08			12E tổ 13 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
555	Nguyễn Thái Nhật Anh	02/16/09			2/40 KP7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
556	Nguyễn Thái Quang Anh	02/16/09			2/40 KP7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
557	Nguyễn Thị Phương Trình		08/20/07		C20 KP7	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
558	Nguyễn Thị Thảo Vân		01/14/05		29C tổ 10 KP3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
559	Nguyễn Thiện Đạt	09/22/08			30A2 tổ 12 kp10	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
560	Nguyễn Văn Hậu	05/14/05			1/17 kp8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
561	Nguyễn Văn Tài	06/29/04			119 tổ 12 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
562	Nguyễn Văn Thương	04/18/17			73B kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
563	Nhữ Đình Ngọc Mai		08/24/07		79C tổ 9B kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
564	Phạm Ngô Hoàng Phi	10/26/13			140/1 kp8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
565	Phạm Nguyễn Bảo Châu		06/01/09		085A tổ 11A kp12	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
566	Phạm Nguyễn Diệu Hương		11/26/11		85A kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
567	Phạm Nhật Đức	06/17/12			74K5 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
568	Phạm Phương Lâm	12/24/07			213 tổ 18 KP10	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
569	Phạm Quang Vinh	03/03/11			2/29 tổ 5 kp8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
570	Phạm Thiên Triệu Phát	09/28/04			32, Tổ 1, KP12	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
571	Phạm Trung Sơn	06/02/09			40B tổ 8 kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
572	Phạm Việt Hùng	06/06/09			B10 cư xá cơ giới 9 KP10	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
573	Phạm Yến Nhi		02/26/11		kp9	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
574	574 Phan Huỳnh Khánh Toàn	09/02/05			10, KP8	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
575	575 Phan Minh Vũ	08/02/10			307, tổ D2, KP1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
576	576 Phan Nguyễn Vĩnh Vương	05/05/12			54A kp3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
577	577 Phan Tú Bảo	02/10/08			36 kp12	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
578	578 Som Thanh hoàng Vỹ	10/17/09			61/4A kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
579	579 Lâm Thị Bích Tuyên		01/05/08		22 tổ 13 kp2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
580	580 Lâm Thị Ngọc Hà		01/08/10		22 tổ 13 kp2	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
581	581 Thạch Minh An	07/29/07			62 tổ 9B kp12	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
II. PHUƠNG AN HÒA									
582	1 Hồ Thị Phụng		01/01/49		205 kp3	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
583	2 Nguyễn Thị Nhung		01/01/44		786 tổ 17 khu 4 kp 1	NCT cô đơn thuộc hộ nghèo từ đủ 60 tuổi đến 80 tuổi	450.000	1.500.000	
584	3 Bùi Thị Dầu		01/01/37	270225902	379 tổ 8 khu 3 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
585	4 Bùi Thị Lê		05/14/35		270H tổ 6 khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
586	5 Bùi Thị Một		01/01/30	270237509	341 tổ 11C khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
587	6 Bùi Thị Sự		01/01/39	270237163	107 khu 2 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
588	7 Bùi Văn Hồ	01/01/35		270237119	136 tổ 3 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
589	8 Cao Thị Khâu		01/01/30	270227100	523 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
590	9 Cao Thị Mỹ		01/01/24	270237461	309 tổ 8 K3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
591	Đào Thị Hồng		01/01/31	272446927	795 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
592	Đoàn Thị Phi		01/01/26	270234963	53B khu 1 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
593	Đoàn Văn Mười	07/22/33		270237179	6, Tổ 1, Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
594	Đông Thị Bé		01/01/30	272601061	420 khu 2 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
595	Dương Thị Hưng		01/01/31	270448004	193 tổ 5 khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
596	Hồ Quang Trung	01/15/39		270737023	69 tổ 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
597	Hồ Thị Ân		10/10/35	270737023	694, kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
598	Hồ Thị Bành		01/01/38	270226888	221C khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
599	Hồ Thị Bé		01/01/38	270225854	639 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
600	Hồ Thị Lý		01/01/33	270226780	304 khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
601	Hồ Thị Nông		01/01/40	270127766	221 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
602	Huyền Tấn Ngọc	01/01/31			694 tổ 14 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
603	Huỳnh Thị Giới		01/01/27		752 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
604	Huỳnh Thị Lư		01/01/38	210070949	651 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
605	Huỳnh Thị Ra		01/01/31	272781158	821A khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
606	Huỳnh Thị Tâm		01/01/40	270240234	958 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
607	Huỳnh Thị Tâm		01/01/40	271123726	587 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
608	Lại Thị Xoan		01/01/32	272487827	1090 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
609	Lâm Thị Lùng		01/01/34	270225965	358 tổ 8 khu 3 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
610	Lê Kim Thanh		05/06/36	270231254	khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
611	Lê Thị Ai		01/01/40		253 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
612	Lê Thị Cúc		01/01/31	270226901	575 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
613	Lê Thị Đang		01/01/28		662BB Khu 5, kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
614	Lê Thị Đành		01/01/40	270240378	73 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
615	Lê Thị Diễm		01/01/32	272437082	180 tổ 6 kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
616	Lê Thị Đườn		03/02/40		177 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
617	Lê Thị Huỳnh		01/01/40	270236432	35 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
618	Lê Thị Kiện		01/01/33	272031257	1022 tổ 20 K5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
619	38 Lê Thị Lèo		01/01/38	270240146	653 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
620	39 Lê Thị Mi		01/01/37		355 tổ 6 khu 2 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
621	40 Lê Thị Mỹ		01/01/36	270240196	291, tổ 9, khu 5, kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
622	41 Lê Thị Nhở		01/01/32	270226741	167 Tổ 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
623	42 Lê Thị Ràng		01/01/35	172460084	668 tổ 14 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
624	43 Lê Thị Thuận		01/01/36	270236474	578, tổ 12, khu 4, kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
625	44 Lê Thị Tỷ		01/01/34	270239720	64 khu 1 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
626	45 Lê Thị Út		01/01/36	270237128	tổ 6. kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
627	46 Lê Thị Xốp		01/01/39	270237128	175 khu 1 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
628	47 Lê Văn Đàm	01/01/34		270237162	107 tổ 3 khu 2 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
629	48 Lê Văn Mầm	01/01/37		270240200	575 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
630	49 Lê Văn Thà	01/01/40		270240065	kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
631	50 Lưu Thị Tấn		01/01/31	270237657	298 tổ 7 khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
632	51 Lý Thị Trâm		01/01/39	270226948	tổ 16 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
633	52 Mã Kim Âu		11/09/37		513A khu 3 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
634	53 Mai Thị Đình		01/01/35	270337501	287 tổ 7 khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
635	54 Mai Thị Hiền		01/01/39	270240272	tổ 5 khu 1 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
636	55 Mai Thị Huệ		01/01/27	270237640	209 tổ 6 khu 2 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
637	56 Mai Thị Lạc		01/01/40	270237080	125 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
638	57 Mai Thị Tình		01/01/34	270237254	184 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
639	58 Mai Thị Xuyên		01/01/40	270060996	297 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
640	59 Mai Văn Được	01/01/34		270240425	71 khu 1 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
641	60 Mai Văn Hưu	01/01/37		270236203	488 tổ 10 khu 3 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
642	61	Mai Văn Thăm	01/01/32		869 tổ 19 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
643	62	Ngô Hồng Châu	04/12/40		tổ 5 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
644	63	Ngô Văn Xích	01/01/39		315 khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
645	64	Nguyễn Doãn Ninh	01/01/30		1090 tổ 21 kp 2 khu 5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Chết ngày 30/4/2020
646	65	Nguyễn Hồng Thơ	01/01/38		469 khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
647	66	Nguyễn Khắc Quang	01/01/31		316 tổ 9 kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
648	67	Nguyễn Kim Ngân	10/20/35		999 tổ 22 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
649	68	Nguyễn Minh Châu	10/10/37		198 tổ 2 khu 2 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
650	69	Nguyễn Minh Thưa	01/01/35		348 tổ 6 khu 2 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
651	70	Nguyễn Ngọc Minh		01/01/34	61 tổ 2 kp 1 khu 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
652	71	Nguyễn Quang Vinh	01/01/32		1066 tổ 21 khu 5, kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
653	72	Nguyễn Quốc Sừ	01/01/32		221 tổ 7 kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
654	73	Nguyễn Thị Anh		01/01/31	179 tổ 4 khu 1 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
655	74	Nguyễn Thị Bàng		01/01/39	46 khu 1 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
656	75	Nguyễn Thị Bảy		01/01/36	277, tổ 7, khu 2, kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
657	76	Nguyễn Thị Bé		01/01/37	474 tổ 10 khu 3 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
658	77	Nguyễn Thị Bế		01/01/39	889 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
659	78	Nguyễn Thị Bén		01/01/30	199 tổ 5 khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
660	79	Nguyễn Thị Bôi		01/01/35	310 tổ 5 khu 5 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
661	80	Nguyễn Thị Bông		01/01/35	317 tổ 8 khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ cần cung cấp	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
662	81 Nguyễn Thị Bưởi		01/01/34	270225936	245, tổ 6, kp2, kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
663	82 Nguyễn Thị Cảnh		01/01/37	270237607	186 khu 1 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
664	83 Nguyễn Thị Côi		01/01/33	270236299	172 khu 2 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Chết T4/2020
665	84 Nguyễn Thị Cúc		01/01/38	270737611	594C tổ 13 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
666	85 Nguyễn Thị Diệu		01/01/32	270737467	71 khu 1, kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
667	86 Nguyễn Thị Giải		01/01/36	270240060	572, tổ 13, khu 4, kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
668	87 Nguyễn Thị Gái		01/01/40	270225777	203 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
669	88 Nguyễn Thị Hai		01/01/20	270227015	884A tổ 18 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
670	89 Nguyễn Thị Hai		01/01/30		594 tổ 13 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
671	90 Nguyễn Thị Hai		01/01/32	270226937	933 tổ 18 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
672	91 Nguyễn Thị Hiền		01/01/33	272477724	356 tổ 9 K3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
673	92 Nguyễn Thị Hoa		06/17/36	270236371	111 tổ 3 khu 2 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
674	93 Nguyễn Thị Hòa		01/01/30	270236558	55 tổ 2 khu 1 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
675	94 Nguyễn Thị Huỳnh Hoa		09/19/38	271864838	443 tổ 11 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
676	95 Nguyễn Thị Khải		01/01/30	161028898	97A khu 5 tổ 19 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
677	96 Nguyễn Thị Lắm		01/01/36	270846760	90, tổ 3, khu2, kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
678	97 Nguyễn Thị Lan	01/01/39		272027519	606A khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
679	98 Nguyễn Thị Liễu	01/01/40		270236229	123 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
680	99 Nguyễn Thị Méc		01/01/34	270226852	658A tổ 14 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
681	100 Nguyễn Thị Mìn		01/01/38	272582421	286 tổ 9 kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
682	Nguyễn Thị Một		01/01/28	270236411	71 tổ 2 khu 1 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
683	Nguyễn Thị Năm		01/01/38	270236074	512 khu 3 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
684	Nguyễn Thị Nghi		06/10/36	272622397	663 tổ 14 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
685	Nguyễn Thị Nghiệp		01/01/25	270239681	99 tổ 4 kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
686	Nguyễn Thị Ngọc Liễu		01/01/28	271348478	354 tổ 9 khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
687	Nguyễn Thị Nhẹ		01/01/37	270239944	740 tổ 16 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
688	Nguyễn Thị Rõ		01/01/33	270227071	585 tổ 13 Khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
689	Nguyễn Thị Tâm		01/01/34	270227004	530 tổ 12 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
690	Nguyễn Thị Thi		01/01/37	270236220	415 tổ 9 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
691	Nguyễn Thị Thóc		01/01/31		471 khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
692	Nguyễn Thị Thược		07/01/39	181064202	972 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
693	Nguyễn Thị Trâm		01/01/31	270236136	360 tổ 8 khu 3 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
694	Nguyễn Thị Túc		01/01/33		610 tổ 12 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
695	Nguyễn Thị Vẹn		01/01/29	270237177	559 khu 3 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
696	Nguyễn Thị Xê		01/01/40		278 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
697	Nguyễn Thị Y		05/07/20		44 tổ 3A kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
698	Nguyễn Văn Banh	01/01/34		270040711	474 tổ 10 khu 3 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
699	Nguyễn Văn Cua	01/01/40		272782202	158 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
700	Nguyễn Văn Đệ	01/01/30		270226900	575 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
701	Nguyễn Văn Đức	01/01/29		270240091	278 tổ 8 kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
702	Nguyễn Văn Hào	01/01/28		270234095	383A khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
703	Nguyễn Văn Hời	01/01/40		270236569	26 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
704	Nguyễn Văn Hùng	01/01/40		270237127	175 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
705	Nguyễn Văn In	01/01/38		270236181	tổ 9 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
706	Nguyễn Văn Ngòi	01/01/38		270225817	268 tổ 6 khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
707	Nguyễn Văn ninh	01/01/34		270240422	73 tổ 2, khu 1, kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
708	Nguyễn Văn Sang	01/01/30			873, Khu 4, kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	500.000	Chết T4/2020
709	Nguyễn Văn Thuận	01/01/37		270236420	43 tổ 2 khu 1 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
710	Nguyễn Văn Tinh	01/01/40		270237611	kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
711	Nguyễn Văn út	11/24/31		270227168	269 khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
712	Nguyễn Văn Xôi	01/01/26		270236103	360 tổ 8 khu 3 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
713	Phạm Phú Điền	11/17/39		270236179	444 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
714	Phạm Thị Hòa		01/01/37	270237120	136 tổ 3 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
715	Phạm Thị Hón		01/01/35	270222960	29 tổ 1 khu 1 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
716	Phạm Thị Mới		01/01/30	270235861	51 tổ 1 khu 1 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
717	Phạm Thị Mỹ		01/01/35	270227021	601 tổ 13 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
718	Phạm Thị Ngoan		01/01/34	272257196	881 tổ 20 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
719	Phạm Thị Phương		01/01/12	270240374	527 tổ 11 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
720	Phạm Thị Thiệp		01/01/37	272897721	753 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
721	Phạm Thị Thứ		01/01/15	272646610	44B tổ 2 kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
722	Phạm Văn Ron	01/01/39		270227061	tổ 12 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
723	Phạm Thanh Hiền	01/01/38		183603757	826 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
724	Phạm Thị Đòn		12/25/37		137A kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
725	Phạm Thị Dung		02/10/38	270226818	1121 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
726	Phạm Thị Mỹ		01/01/39	270236226	275 khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
727	Phạm Thị Nhỏ		01/01/39	270226820	khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
728	Phạm Thị Tâm		04/14/40		kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
729	Phạm Văn To	01/01/39		270226783	691 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
730	Phù Thị Thành		01/01/35		khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
731	Thái Thị Lũng		01/01/38	270225970	218 khu 2 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
732	Thiều Thị Chừ		01/01/30	272446552	560 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
733	Tô Xuân Sơn	01/01/30		270226975	1103 KP5	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
734	Trần Bửu Minh	12/19/36			581 khu 3 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
735	Trần Thị Ba		01/01/23	180456424	109 tổ 4 kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
736	Trần Thị Biên		01/01/38	270226782	691 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
737	Trần Thị Chén		06/06/37		647 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
738	Trần Thị Chồn		01/01/37	270240444	625 tổ 13 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
739	Trần Thị Gấm		01/01/37	270237473	332 tổ 8 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
740	Trần Thị Hào		01/01/31	270225979	300 tổ 7 K2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
741	Trần Thị Hiệp		01/01/36		khu 4, kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
742	Trần Thị Hoa		01/01/35	270237216	47 tổ 1 khu 1 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
743	Trần Thị Mềm		01/01/38	270236170	487 khu 3 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
744	Trần Thị Mỹ		01/01/40		kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
745	Trần Thị Nhỏ		01/01/37		tổ 7A kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
746	Trần Thị Nhơn		01/01/39	270233908	308/65/3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
747	Trần Thị Tý		01/01/39	270227035	872 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
748	Trần Thị Xem		01/27/39	272031560	khu 2 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
749	Trần Thị Xiêm		01/01/36		6, tổ 1, khu 1, kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
750	Trần Thị Xinh		01/01/27	270237622	733 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
751	Trần Văn Bình	01/01/38		270240147	tổ 5 khu 1 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
752	Trần Văn Đạt	01/01/34		270236623	275 tổ 6 khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
753	Trần Văn Đức	01/01/31		272222429	156 khu 1 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
754	Trần Văn Hằng	01/01/37			521 tổ 8 khu 3 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
755	Trần Văn Hiếu	01/01/37		270237511	khu 1 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
756	Trần Văn Keo	01/01/34			28 tổ 1, khu 1, kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
757	Trần Văn Mạnh	01/01/35		270227029	618 tổ 13 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
758	Trần Văn Nhung	01/01/30		272387814	G5 tổ 8 khu 3 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
759	Trần Văn Quí	01/01/25		270081517	176A tổ 5 khu 2 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
760	Trần Văn Sáu	01/01/35		271420346	592 tổ 9 khu 5 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
761	Trần Văn Thới	01/01/32		270226742	933 tổ 18 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
762	Trần Văn Thông	01/01/36		270239933	khu 1, kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
763	Trần Văn Úc	01/01/39		270238841	355 khu 2 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
764	Trần Vĩnh Diệp	11/04/39		270237349	98 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
765	Triệu Thị Thảo	01/01/39		270236276	57 khu 5 kp 4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
766	Trịnh Thị Bé	01/01/35		270225871	282 tổ 7 khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
767	Trịnh Thị Đòn	01/01/34		270237625	148/1/2 khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
768	Trịnh Thị Lụa	01/01/32		273469266	602/7 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
769	Trịnh Văn Ly	01/01/34		270239725	653 tổ 13 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
770	Trương Thị Bảy	01/01/30		270237323	534 tổ 12 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
771	Trương Văn Phải	01/01/32		271877584	443 Tổ 11 khu 3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
772	Vân Thị Thảo	01/01/38		270930473	1116 khu 5 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
773	Võ Thị Bành	01/01/40		270240341	275 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
774	Võ Thị Hiệp	10/12/34		272257172	557 khu 4, kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
775	Võ Thị Phấn	01/01/34			200 tổ 5 khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
776	Võ Văn Bôi	01/01/30			468 tổ 9 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
777	196	Võ Văn Độ	01/01/33	270040840	35 tổ 1 khu 1 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
778	197	Võ Văn Mạnh	01/01/39	270225776	203 khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
779	198	Võ Văn Nhân	01/01/37	270225887	218 tổ 5 khu 2 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
780	199	Võ Văn Quân	01/01/40	270225857	206 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
781	200	Võ Văn Rõ	01/01/37	270239677	323 tổ 5 khu 1 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
782	201	Võ Văn Sừ	04/10/39	270240317	252 khu 1 kp 3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
783	202	Võ Văn Tập	01/01/38	270240043	635 khu 4 kp 1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
784	203	Vương Thị Bảo		270737512	557 tổ 13 khu 4 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
785	204	Vương Thị Bồng		272764642	168/4/24/3 kp 2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
786	205	Trần Thị Kim Vĩ		273609670	394 tổ 6A khu2 kp 3	Người đơn thân nghèo đang nuôi từ 02 con trở lên	600.000	1.500.000	
787	206	Bùi Thị Ánh Ngọc		270239930	334 khu 2 kp 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
788	207	Đặng Thị Ngoan		272718847	279C tổ 8, khu 8, kp 4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
789	208	Đào Thanh Lan	05/12/69	271123746	610 tổ 13 khu 4 kp 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
790	209	Huỳnh Anh Kiệt	01/01/96	272678232	821 tổ 18 khu 4 kp 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
791	210	Lâm Hoài Tú	01/01/96		624A tổ 9 khu 3 kp 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
792	211	Lê Thị Hồng Hiếu			494 tổ 7 khu 2 kp 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
793	212	Lê Văn Hùng	01/01/62	270226763	Khu 2 kp 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
794	213	Mai Thanh Tuấn	01/01/87		242 tổ 6 K2 kp 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
795	214	Mai Văn Mên	10/31/61	270237574	315 tổ 8 khu 3 kp 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
796	215	Ngô Duy Tình	02/24/77	031042179	109A kp 4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
797	216	Nguyễn Đức Hà	01/01/66	271448642	1022 tổ 20 khu 5 kp 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
798	217	Nguyễn Ngọc Mai Trà	01/01/00		702 tổ 15 khu 4 kp 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
799	218	Nguyễn Thị Em		04/25/83	092183001473	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
800	219	Nguyễn Thị Huệ		04/20/76	272027720	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
801	220	Nguyễn Thị Kim Hồng		01/01/88	395 tổ 10 khu 3 kp 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
802	221	Nguyễn Trường Sơn	07/07/87		459A khu 3 kp 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
803	222	Phạm Đức Hùng	01/01/86		C20 tổ 10 khu 3 kp 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
804	223	Phạm Thị Thanh Hoài		01/01/02	Tổ 9 kp 4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
805	224	Phan Quang Sơn	01/01/93		534 tổ 22 khu 4 kp 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
806	225	Trần Ngọc Hương	01/01/65		156 tổ 3 khu 1 kp 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
807	226	Trần Văn Nhân	01/01/75		206A tổ 5 K2 kp 1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
808	227	Võ Thị Hồng Anh		01/01/70	117 tổ 3 khu 2 kp 2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
809	228	Võ Văn Huệ	01/01/79		155 tổ 5 khu 5 kp 4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
810	229	Lê Thị Ngọc		01/01/72	83A tổ 2 kp 3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
811	230	Bùi Văn Long	01/01/54		525 tổ 11 khu 4 kp 1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
812	231	Chu Thị Hải		01/06/53	918 khu 4 kp 1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
813	232	Đinh Viết Vũ	10/10/52		16 tổ 1 kp 4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
814	233	Dương Quang Tạo	01/01/41		1116 tổ 21 khu 5 kp 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
815	234	Huỳnh Văn Nhỏ	03/05/50		296 tổ 5 khu 1 kp 3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
816	235	Lê Thị Chuông		01/01/39	253 tổ 6 khu 2 kp 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
817	236	Lưu Văn Quảng	01/01/42		514 khu 3 kp 3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
818	237	Luyện Vĩ Nhuận	09/16/57		243 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt		Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
			Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
819	238	Ngô Thị Thất		10/30/36	180249962	kp 4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
820	239	Nguyễn Thị Biền		01/01/37	272387898	G5 tổ 8 khu 3 kp 3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
821	240	Nguyễn Thị Bối		01/01/40	270237211	123 tppr 3 khu 1 kp 1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
822	241	Nguyễn Thị Châu		08/08/51		451 tổ 11 khu 3 kp 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
823	242	Nguyễn Thị Châu		01/01/57	270240344	82 tổ 3 khu 2 kp 2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
824	243	Nguyễn Thị Linh		02/04/40	272113722	116 khu 5 kp 4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
825	244	Nguyễn Thị Nguyệt		01/01/55	271199465	48 tổ 2 kp 4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
826	245	Nguyễn Thị Tường		01/01/56	270222949	113 khu 1 kp 1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
827	246	Nguyễn Thị Vàng		12/10/55	272300555	143A/13/1 kp 3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
828	247	Nguyễn Văn Đại	05/27/58		270240129	447 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
829	248	Phạm Thị Khưu		01/01/36		921 khu 4 kp 1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
830	249	Phạm Thị Tuyền		01/01/48	270737672	F35A tổ 10	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
831	250	Phùng Thị Tịnh		07/03/23		kp 3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
832	251	Trần Thị Thực		10/10/48	272783655	171 kp 4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
833	252	Trần Văn Thỏ	01/01/38		270240349	544 khu 4 kp 1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
834	253	Trịnh Văn Mạnh	06/30/43		270225976	307 khu 2 kp 1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
835	254	Trương Thị Thu Hà		09/18/41	270237228	69 tổ 2 kp 1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
836	255	Trần Văn Hào	12/15/47		271255242	tổ 9 kp 3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	500.000	Chết T4/2020
837	256	Bùi Lê Bảo Ngọc		09/30/13		tổ 8 kp 4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
838	257	Cao Văn Phúc	01/17/18			722 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
839	258	Dương Thị Thùy Tiên		01/01/07		142A tổ 3 khu 1 kp 3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
840	259	Hoàng Như Ý		02/25/13		199A tổ 3 khu 1 kp 3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
841	260	Lê Quốc Thắng	04/26/14			583 tổ 13 khu 4 kp 2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
842	261	Nguyễn Phúc Nguyên Khang	10/21/14			271 tổ 7 khu 3 kp 2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
843	262	Phan Gia Huy	05/22/14			649 khu 4 kp 2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
844	263	Phan Kim Bảo Trân		07/02/10					
845	264	Thái Ngọc Trâm Anh		02/20/13	72 tổ 3 kp 4 547 tổ 11 khu 4 kp 1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000 750.000	1.500.000 1.500.000	
846	265	Thái Văn Toàn	11/24/09		247 tổ 11 khu 4 kp 1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
847	266	Bùi Văn Thảo	01/01/91		583 tổ 12 K4 kp 1	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
848	267	Bùi Văn Trung	01/01/71		594Y khu 4 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
849	268	Cao Nguyễn Như Khanh		01/01/89	118 tổ 4 khu 5 kp 4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
850	269	Cao Xuân Thắng	01/01/82		47 kp 4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
851	270	Châu Lê Hồng Tuấn	01/01/98		1053A tổ 20	NKT nặng	450.000	1.500.000	
852	271	Chung Thị Diệp		01/01/62	86 khu 1, tổ 2, kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
853	272	Đặng Ngọc Mạnh Thắng	01/01/04		87 tổ 2 khu 1 kp 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
854	273	Đặng Thị Mai		10/12/87	1381, tổ 4, KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
855	274	Đào Văn Khoa	12/18/63		610 tổ 13 khu 4 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
856	275	Hồ Minh Hòa	12/27/01		323 tổ 7 khu 2 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
857	276	Hoàng Thị Hạnh		10/05/73	253, kp 4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
858	277	Huỳnh Thị Ngọc Linh		07/01/98	675 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
859	278	Huỳnh Thị Tâm		01/01/71	276E tổ 6 khu 2 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
860	279	Huỳnh Văn Trai	01/01/61		276E tổ 6 khu 2 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
861	280	Lâm Hoàng Tươi	01/01/62		390 tổ 8 K3 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
862	281	Lâm Thị Hai		01/01/69	288 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
863	282	Lê Thanh Tân	12/30/60		tổ 2 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
864	283	Lê Thanh Trà	01/01/80		Khu 4 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
865	284	Lê Thị Thơm		08/14/84	364A tổ 6A khu 2, kp 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
866	Lê Văn Hiếu	01/01/88		272794124	83A tổ 2 kp 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
867	Lương Ngọc Thành	01/01/67			123 tổ 3 khu 1 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
868	Ngô Đình Bảo	09/15/77		271331782	13 tổ 1 khu 1 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
869	Nguyễn Chí Cường	03/16/02			706, tổ 15, khu 4, kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
870	Nguyễn Hồng Điệp	01/01/64		271736724	270 kp 4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
871	Nguyễn Hồng Phước	09/11/94		272398715	65 tổ 2, khu 1, kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
872	Nguyễn Lê Đô	01/01/03			141 tổ 3 khu 1, kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
873	Nguyễn Minh Thạnh	01/01/81			132 tổ 5 kp 4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
874	Nguyễn Ngọc Dung		01/01/71	271199628	290 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
875	Nguyễn Ngọc Tấn	07/31/80		271436795	695 tổ 14 khu 4 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
876	Nguyễn Phạm Đài Trang		11/23/97	272530618	949 tổ 21 khu 4 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
877	Nguyễn Phúc Hậu	01/01/93		272257306	387 tổ 10 khu 3 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
878	Nguyễn Phương Trang		01/01/02		2020 tổ 22	NKT nặng	450.000	1.500.000	
879	Nguyễn Quốc Hưng	01/01/66			752 tổ 15 khu 5 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
880	Nguyễn Tấn Phước	01/01/83		272258013	459A tổ 9 khu 3 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
881	Nguyễn Tấn Tường	01/01/95		272351690	733B Khu 5 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
882	Nguyễn Thị Bảy		01/01/73	271266410	100 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
883	Nguyễn Thị Bình		03/03/70	272436985	200 kp 4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
884	Nguyễn Thị Diệu		01/01/67	270239663	thôn 4 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
885	Nguyễn Thị Kim Anh		01/01/76	272508815	332 tổ 8 khu 3 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
886	Nguyễn Thị Lệ Huyền		02/29/88	271908492	670 khu 4 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
887	Nguyễn Thị Ngọc Hà		05/15/90	272101723	459B khu 3 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19		
888	307	Nguyễn Thị Thu Hồng		03/12/87	271864580	84 tổ 2 khu 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
889	308	Nguyễn Thị Thu Thủy		04/05/77	68A tổ 3 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000		
890	309	Nguyễn Thị Vân		01/01/61	Tổ 6 kp 4	NKT nặng	450.000	1.500.000		
891	310	Nguyễn Văn Hạnh		12/24/72	271123623	303 tổ 7 khu 3 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
892	311	Nguyễn Văn Hoàng		01/01/64	270239864	809 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
893	312	Nguyễn Văn Nghĩa		01/01/69	2	290 tổ 7 K2 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
894	313	Nguyễn Văn Tùng		08/14/66	560 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000		
895	314	Phạm Chí Tài		01/01/87	271355119	820 tổ 18 khu 4 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
896	315	Phạm Chí Trung		01/01/92	272351700	549 khu 4 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
897	316	Phạm Đức Hưng		06/08/95	272399413	946 tổ 19 khu 5 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
898	317	Phạm Thị Thảo Nguyễn		01/01/84	271606556	820 tổ 18 khu 4 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
899	318	Phạm Thị Thu Hương		01/01/83	272709066	464 tổ 11 khu 3 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
900	319	Phan Thị Xuân Lý		01/01/68		183 Khu 5 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
901	320	Phan Văn Dũ		12/07/67	270718928	48, tổ 2, khu 1, kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
902	321	Phan Văn Ngọc		01/01/70		15 tổ 1 kp 4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
903	322	Phùng Thị Bích Hương		12/22/77	260829686	49 tổ 1 khu 1 kp 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
904	323	Trần Công Tâm		10/17/01		491 tổ 11, kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
905	324	Trần Hữu Thái		09/10/00		530X tổ 8 khu 3 kp 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
906	325	Trần Khánh An		05/24/99		201 khu 2 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
907	326	Trần Minh Hoàng		01/01/84	271606252	1381 tổ 4, khu 2, kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
908	327	Trần Minh Sang		10/07/94	272536765	517 tổ 12 khu 4 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
909	328	Trần Quang Thắng		01/01/61	270953026	78 khu 1 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
910	329	Trần Quốc Cường		09/14/80		63B kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
911	Trần Thị Hương		01/01/67	272027980	331 tổ 8 khu 3 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
912	Trần Thị Màu		01/01/67		740 tổ 16 khu 4 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
913	Trần Thị Ngọc An		09/29/59		164A tổ 6A kp 4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
914	Trần Thị Nhã		01/01/63	160266168	585B tổ 13, khu4, kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
915	Triệu Thị Ngọc Huyền		04/10/97	272563117	243 tổ 4 khu 1 kp 3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
916	Trịnh Minh Công	06/20/64		270990653	51 kp 4	NKT nặng	450.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
917	Trương Đình Viên	01/01/61		272043768	kp4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
918	Trương Thị Hiền		11/20/72	271821242	khu 5 kp 4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
919	Trương Thị Mỹ Liên		01/01/71	270945972	706D tổ 15 khu 5 kp 2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
920	Võ Thành Huy	07/31/82		271606809	412 khu 3 kp 1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
921	Châu Văn Thành	01/01/30		272257167	557 khu 4 kp 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
922	Hà Thị Chính		01/01/40	270239676	323 tổ 5 khu 1 kp 3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
923	Hoàng Thị Sâm		09/02/59		1056 kp2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
924	Lê Thị Hoa		12/10/54	272027359	431 tổ 9, khu 3, kp 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
925	Mai Thị Hương		01/01/46	270226916	717 khu 5 kp 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
926	Mai Thị Ri		01/01/41	270226956	892 tổ 18 khu 5 kp 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
927	Nguyễn Kim Anh		01/01/40	270237266	31 kp1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
928	Nguyễn Kim Xuân		01/01/37	270237610	271 tổ 7 khu 3 kp 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
929	Nguyễn Thị Bay		01/01/47	270236102	369 tổ 8 khu 3 kp 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
930	Nguyễn Thị Chi		01/01/41	270236138	880 khu 4 kp 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
931	Nguyễn Thị Kim Dung		05/21/46	272317556	778 tổ 17 khu 4 kp 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19		
932	351	Nguyễn Thị Trinh		01/01/57	270236422	68 tổ 2 khu 1 kp 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
933	352	Nguyễn Văn Hoàng		04/21/54		84 khu 1 kp 3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
934	353	Nguyễn Văn hồng		01/01/59	270737326	428 khu 2 kp 3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
935	354	Nguyễn Văn Nền		10/23/57	271420639	tổ 4 khu 1 kp 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
936	355	Nguyễn Văn Trai		01/01/56	270226964	659 tổ 14 khu 4 kp 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
937	356	Phạm Văn Tư		06/05/53	270231315	45 tổ 1 kp 3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
938	357	Phan Thị Cừ		05/18/45	272031267	175 tổ 3 khu 1 kp 3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
939	358	Phan Thị Mỹ		01/01/51	270227048	730 khu 5 kp 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
940	359	Quản Cúc		01/01/54	270046486	97 tổ 2 khu 1 kp 3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
941	360	Trần Thị Giàu		02/06/50		tổ 2 khu 1 kp 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
942	361	Trần Thị Mỹ		01/01/47	270236379	15 khu 1 tổ 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
943	362	Trần Văn Mười		01/01/52	272709962	420 tổ 10 K3 kp 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
944	363	Trần Văn Tung		01/01/39	270737204	tổ 5 khu 1 kp 3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
945	364	Trịnh Ánh Tuyết		01/01/41	270225784	252 tổ 6 khu 2 kp 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
946	365	Trịnh Thị Thu		01/01/48	270237351	229 tổ 6 K2 kp 2	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
947	366	Trịnh Văn Lên		01/01/56	270237410	392 tổ 10 khu 3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
948	367	Võ Thị Nữa		01/01/59	270227166	Khu 1 kp 3	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
949	368	Võ Văn Thành		12/20/58	270022668	665 khu 4 kp 1	NKT nặng là NCT	600.000	1.500.000	
950	369	Cao Minh Dũng		10/23/05		675 tổ 14 khu 4 kp 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
951	370	Đặng Quốc Kiệt		07/18/08	1	393 tổ 6A khu 2 kp 3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
952	371	Hoàng Hải Đăng		11/17/06	272500756	747B, tổ 16, khu 4 kp 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
953	372	Hoàng Phương Trang		10/13/12		653C khu 4 kp 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
954	373	Lê Anh Khôi		08/23/09		789 tổ 17 khu 4 kp 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
955	Lê Ngọc Sáng	10/01/12			189 tổ 6 kp 4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
956	Nguyễn Gia Ân		01/01/05		khu 2 kp 2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
957	Nguyễn Thị Bích Phương		03/02/08		961A tổ 19 khu 5 kp 2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
958	Nguyễn Thị Trà Mi		12/22/07		593A khu 4 tổ 12 kp 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
959	Nông Thiên Tiên	03/29/06			243 kp2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
960	Phạm Đình Nhật	10/04/12			252 tổ 7 kp 4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
961	Phạm Phú Quý	09/16/06			116 khu 1 kp 3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
962	Phạm Quốc Kiệt	08/03/06			1008 khu 4 kp 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
963	Phạm Xuân Hiền	01/01/05			352 tổ 8 khu 3 kp 1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
964	Trần Anh Khoa	11/06/12			225 tổ 7 kp 4	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
965	Trần Chi Mai Anh		09/15/05		827 tổ 16 khu 5 kp 2	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
966	Trịnh Thành Phát	10/02/07			450C kp1	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
967	Võ Trần Quốc Đại	10/27/09			khu 1 kp 3	NKT nặng là trẻ em	600.000	1.500.000	
968	Nguyễn Hoàng Thanh Phong	10/10/02			313/14/1 kp 1	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
969	Võ Hoàng Phong	05/16/03			396 tổ 10 khu 3 kp 2	Người từ 16 tuổi đến 22 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
970	Trần Hoàng An Nhiên		07/10/19		1381 tổ 4 khu 2 kp 2	Trẻ em dưới 4 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	750.000	1.500.000	
971	Võ Thành Long	08/23/16			155 tổ 5 khu 5 kp 4	Trẻ em dưới 4 tuổi không có nguồn nuôi dưỡng	750.000	1.500.000	
972	Lê Văn Thắng	11/22/07			83A tổ 2 kp 3	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
973	Nguyễn Hoàng Như Quỳnh		07/28/04		313/14/1 kp 1	Trẻ em từ 4 tuổi đến dưới 16 tuổi ko có nguồn nuôi dưỡng	450.000	1.500.000	
III. PHƯỜNG BÌNH DÀ									
974	1 Bay A Mùi		01/01/34	270138244	127/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đổi tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BHXH	Hỗ trợ Covid-19	
975	2 Bùi Đăng	02/20/38		270893429	245/6 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	600.000	Đã nhận 900.000 vé số
976	3 Bùi Thị Luyện		01/01/33	270771212	1/1H tổ 1 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000		
977	4 Bùi Thị Nuôi		01/01/40		210/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
978	5 Bùi Thị Phấn Hồng		01/01/38	270126406	183/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
979	6 Bùi Thị The		01/01/29		25 tổ 17A1 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
980	7 Châu Văn Sánh	01/01/27		270122930	409/1 tổ 14A KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
981	8 Chiềng Lục Mùi		01/01/31	270285579	225/3 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
982	9 Chu Thị Nga		01/01/31	270123904	272/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
983	10 Chu Thị Quý		01/01/27		254/6 tổ 32 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
984	11 Đặng Thị Đào		06/13/39	270138596	110/6 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
985	12 Đặng Thị Hồng		01/01/23	270138448	187/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
986	13 Đặng Thị Liệt		01/01/40	272285188	581A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
987	14 Đặng Văn Voi	05/18/38		15-08-1938	42 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
988	15 Đào Thị Chuyên		12/10/37		123 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
989	16 Đào Thị Tri		01/01/32	272112383	97/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
990	17 Đinh Thị Liễu		05/06/36	210653416	C18A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
991	18 Đỗ Ngọc Hiệp	02/03/37			54/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
992	19 Đỗ Thị Giải		01/01/31	270123468	200/3 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
993	20 Đỗ Thị Mến		01/01/36	270138573	221/4, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
994	21 Đoàn Thị Hoa		01/01/33	270122038	221/1 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
995	22 Dừi Sắt Mùi		01/01/38	270122260	169/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
996	23 Dương Minh Cảnh	01/01/32			C36 tổ 38 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
997	24 Dương Văn Thịnh	09/07/37				NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
998	25 Hà Thị Di		09/15/39	270122718	393 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
999	26 Hà Thị Tần		03/08/33	270122736	366/1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1000	27 Hà Thị Vân		01/01/36	270041354	8A/1, tổ 13, kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1001	28 Hoàng Thị Chùn		01/01/34	160482565	10/A2 K3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1002	29 Hoàng Thị Tân		03/30/35	270138073	95/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1003	30 Hoàng Thị Thom		01/01/31	270123941	45/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1004	31 Hoàng Văn Trinh	01/01/26		270228060	14A tổ 30A KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
1005	32 Huỳnh Bốn	01/01/35		270122981	368/24 T14A1 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1006	33 Huỳnh Quế Thắng	05/06/34		270122742	124/1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1007	34 Huỳnh Thị Biên		01/01/40		16A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1008	35 Huỳnh Thị Tuyết		02/25/40		221 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1009	36 Huỳnh Thị Xứ		01/01/38	270123501	282 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1010	37 Huỳnh Viết Thương	01/01/30		270122683	387 tổ 12 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1011	38 kiều Văn Phẩm	12/23/36		270122027	26/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1012	39 Lại Thị Huệ		06/10/33	270200626	125A KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1013	40 Lâm A Phốc	01/01/34		270506841	225/3 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1014	41 Lâm Đẩu	03/10/36		270123005	11A, K2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1015	42 Lâm Thị Nờ		05/26/33	270123636	365 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1016	43 Lầu Sý		01/01/29	270032910	33 tổ 18 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1017	44 Lầu Sý		11/24/36	270123864	252/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1018	45 Lê Tàu	01/01/30		270083584	Tổ 9	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1019	46 Lê Thái Bảo	01/01/35		270122139	75/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1020	47 Lê Thị Đáng		01/01/37	270108864	1/4 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1021	48 Lê Thị Liệu		01/01/38	110664864	9/29 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1022	49 Lê Thị Mai		01/01/36	270123001	A4, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1023	50 Lê Thị Mạn		01/01/32	270139026	349 tổ 38 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1024	51 Lê Thị Sen		01/01/36	220080650	14A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1025	52 Lê Thị Tầm		01/01/29	270123309	127/3 tổ 11 Kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1026	53 Lê Thị Thiều		10/29/36	270122502	280/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1027	54 Lê Thị Tiếng		10/27/35	271754836	38 Tổ 12, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1028	55 Lê Văn Lành	01/01/25		270641105	391/1 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1029	56 Lê Văn Thìn	01/01/27		270012962	254/6 tổ 32 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1030	57 Lê Văn Vinh	02/01/36		270012753	67A, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1031	58 Lương Thị Phú		06/16/39	270643554	64/6 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1032	59 Lưu Thị Cây		01/01/27	270727618	279A/1 tổ 7 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1033	60 Lý Hoài Diệu		01/01/30		83 tổ 14C2 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1034	61 Ngô Thị Ngán		01/01/26	270138480	166/4 tổ 29A KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1035	62 Ngô Thị Thu		01/01/25	270031948	105/5 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
1036	63 Ngô Văn Nghệ	09/05/38		270729736	336/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1037	64 Ngô Văn Thor	01/01/29		270138744	178 tổ 35 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1038	65 Nguyễn Bửu Giao	01/01/31		270048832	65 tổ 16A KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1039	66 Nguyễn Ngọc Em	01/01/37		270123523	235/3, KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1040	67 Nguyễn Phúc Nguyễn	01/01/37		270432697	374B kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1041	68 Nguyễn Thị Bé		09/10/37	270122954	544 tổ 14A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1042	69 Nguyễn Thị Bé		01/01/40	270237098	124/3 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1043	70 Nguyễn Thị Cảnh		01/01/33	260443129	24/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1044	71 Nguyễn Thị Cây		01/01/37	270123207	44/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1045	72 Nguyễn Thị Chàng		01/01/29	270083548	243/1 tổ 7 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1046	73 Nguyễn Thị Chè		01/01/34	270122794	388/1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1047	74 Nguyễn Thị Diễm		12/31/37		215 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1048	75 Nguyễn Thị Diệp		01/01/31	270138637	193/6 tổ 35 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1049	76 Nguyễn Thị Đức		01/01/40	276071397	15B kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1050	77 Nguyễn Thị Đui		01/01/34	270242975	121/6 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1051	78 Nguyễn Thị Em		01/01/32		133/4 tổ 28 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1052	79 Nguyễn Thị Gấm		01/01/33		298 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1053	80 Nguyễn Thị Gió		03/14/35	270122004	11/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1054	81 Nguyễn Thị Hàn		01/01/37	270138128	132/4 tổ 28 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1055	82 Nguyễn Thị Hậu		02/20/38	272428840	90 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1056	83 Nguyễn Thị Hiền		01/01/30	270123456	223/3 tổ 18	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1057	84 Nguyễn Thị Hiệp		10/10/37	270112260	276b/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1058	85 Nguyễn Thị Hoa		01/01/40	270139087	186/6 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1059	86 Nguyễn Thị Hòa		02/01/33	270720047	47/1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1060	87 Nguyễn Thị Hòa		03/01/35	270122959	408 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1061	88 Nguyễn Thị Hoàn		01/01/38	270123044	278/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1062	89 Nguyễn Thị Hồng		01/01/32	270122075	227/1 Kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1063	90 Nguyễn Thị Hồng Đào		10/07/39	270122901	61/351 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1064	91 Nguyễn Thị Hương		01/01/39	270122499	240 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1065	92 Nguyễn Thị Khương		02/04/35	270138807	242/6 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1066	93 Nguyễn Thị Kim		01/02/40	270123819	260/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1067	94 Nguyễn Thị Lan		08/10/36	270871673	433 tổ 38 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1068	95 Nguyễn Thị Lào		03/10/38	270122764	391 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
1069	Nguyễn Thị Liên		01/01/26		Tổ 33 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1070	Nguyễn Thị Lợi		01/01/22	240430038	3/1, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1071	Nguyễn Thị Lữ		01/01/35	270139235	314 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1072	Nguyễn Thị Mai		01/01/35	270123460	214/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1073	Nguyễn Thị Mười		01/01/40	272687281	221 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1074	Nguyễn Thị Mỹ		01/01/37		181 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1075	Nguyễn Thị Ngoan		01/01/33	270138375	103/6 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1076	Nguyễn Thị Nhón		01/01/26	270138403	107/6 tổ 33 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1077	Nguyễn Thị Phúc		01/01/24	271755337	Hội chữ thập đỏ p. Bình Đa	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1078	Nguyễn Thị Phương		01/01/35	270138984	557A tổ 14A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1079	Nguyễn Thị Phương		01/01/33	270112205	420/7 Kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1080	Nguyễn Thị Quỳ		01/01/35	270108966	371/36 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1081	Nguyễn Thị Râu		01/01/30	270138081	89/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1082	Nguyễn Thị Thanh Dung		04/16/40		54/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1083	Nguyễn Thị Thù		01/01/32	270045784	2/14 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1084	Nguyễn Thị Tý		01/01/34	270138628	132 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1085	Nguyễn Thị Vững		01/01/29		136 tổ 11 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1086	Nguyễn Thị Xuân		07/17/37		191/6, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1087	Nguyễn Văn Anh	01/01/35		270122793	388/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1088	Nguyễn Văn Chi	03/13/35		270122683	356/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1089	Nguyễn Văn Hạnh	10/13/38			159 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1090	Nguyễn Văn Minh	01/01/28			C5 tổ 29B	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1091	Nguyễn Văn Vân	07/10/36		270138142	90/4 tổ 26 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1092	Nguyễn Văn Vót	01/01/32		270424352	109/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1093	Nguyễn Xuân Quảng	01/01/30		270123680	182/3 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1094	Nguyễn Xuân Tấn	02/03/34		270122697	380/1 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1095	Nhâm Thị Núi		01/01/40	270122365	234/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1096	Phạm Chí Thành	01/01/40		270112019	5 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1097	Phạm Ngọc Tiến	01/01/32		270138274	12/6 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1098	Phạm Thế Phiệt	06/25/37		270783578	1/6, KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19		
1099	126	Phạm Thị Chanh		06/12/36	271122086	220/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1100	127	Phạm Thị Dừa		01/01/36	272098570	10, KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1101	128	Phạm Thị Hiên		01/01/34		10/1 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1102	129	Phạm Thị Huyền		01/01/26	270516385	130/3 tổ 11 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1103	130	Phạm Thị Hựu		01/01/31	270684092	374A tổ 38 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1104	131	Phạm Thị Khuyên		01/01/34	270138046	68/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1105	132	Phạm Thị Mai		01/01/34	270985445	91/3 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1106	133	Phạm Thị Nga		05/03/36	270122690	287 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1107	134	Phạm Thị Ninh		03/05/39	270123228	284 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1108	135	Phạm Thị Quỳnh		06/09/39	270044801	65 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1109	136	Phạm Thị Tân		01/01/35		752/6 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1110	137	Phạm Thị Từ		01/01/32	272098845	42 Tổ 16 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1111	138	Phạm Thị Tuấn		01/01/33	270123544	279 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1112	139	Phạm Văn Khoát		01/01/35	270139083	183 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1113	140	Phạm Văn Tương		01/01/27	270122430	77/121 tổ 14C KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1114	141	Phùng Thị Hệ		01/01/37	270138135	108/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1115	142	Son Mít		01/01/27	270138338	170 tổ 31 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1116	143	Son Thị Phinh		01/01/33		45/6 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1117	144	Sỹ A Kiủ		12/01/36	270122351	288/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1118	145	Sỹ A Sách		03/19/39		4/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1119	146	Sỹ Cún Mùi		01/01/28	270123535	239/1 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1120	147	Thái Thị Hoa			270139278	275/6A kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1121	148	Trần Đình Bình		01/01/35	270123599	161/3 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1122	149	Trần Hay		10/02/32	270372496	115/3B KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1123	150	Trần Ngọc Diệp		10/10/33	270062833	408 tổ 14A KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1124	151	Trần Quang Luận		01/01/30	272439909	B14 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1125	152	Trần Thị Bông		01/01/35	270122589	380/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1126	153	Trần Thị Chiêm		01/01/37	270123621	345 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1127	154	Trần Thị Còn		01/01/35	270123959	29/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1128	155	Trần Thị Cúc		04/05/39	270123024	14A kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1129	156	Trần Thị Hữu		01/01/40	270123227	67/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1130	157	Trần Thị Lang								

Page 43 of 592

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
1131	Trần Thị Mỹ		04/13/36	270123931	34 tổ 17B kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1132	Trần Thị Nguyệt		01/01/35	270122774	178C tổ 35 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1133	Trần Thị Nhờ		01/01/29	270131606	170 tổ 31 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1134	Trần Thị Phấn		03/15/34	270122610	233/1 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1135	Trần Thị Phú		01/01/37	270123666	367 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1136	Trần Thị Soi		01/01/36	270122051	42/1, kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1137	Trần Thị Tuyền		01/01/29	270807788	38 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1138	Trần Thị Tuyên	01/01/39			256/1 k1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1139	Trần Văn Chạy	01/01/28			462/7 tổ 34 KP4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1140	Trần Văn Kham			270122275	108/1 tổ 6 KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1141	Trương Thị Quý		01/01/28	270122554	267 tổ 7A KP1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1142	Từ Thị Tấn	01/01/32		270046009	60 tổ 16 KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1143	Võ Sanh		01/01/25		26A KP2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1144	Võ Thị Hoàng		07/30/36	270122575	223 tổ 12 kp2	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1145	Võ Thị Tâm		06/16/36	270138096	79/4 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1146	Võ Thị Xin		01/01/38	272312824	224/1 kp1	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1147	Vũ Thị Bê		01/01/30		14A tổ 30A KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1148	Vũ Thị Đă		01/01/34	270123955	33/4 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1149	Vũ Thị Hưng		01/01/32	270123193	15/3 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1150	Vũ Thị Mầu		01/01/35	270123146	23/3 kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1151	Vũ Thị Nhã		01/01/27	270123689	337 KP3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1152	Vũ Thị Nhật		01/01/33	270138564	283 Kp3	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1153	Vũ Thị Nhẹ		05/06/36		5/6 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	300.000	1.500.000	
1154	Vũ Thị Thực		07/14/37	270138959	110/6 kp4	NCT từ đủ 80 tuổi trở lên	600.000	1.500.000	
1155	Vy Văn Khoa		01/01/02		46/1 tổ 1 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1156	Đông Nhã Linh		10/28/00	272815363	98/3 kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1157	Hoàng Nguyễn Như Thảo	12/21/63		270138582	216/4 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1158	Hoàng Quang Hoài		01/01/61		216/4 tổ 27 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1159	Hoàng Thị Bích Nga	01/01/64			223/3 tổ 18 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1160	Hoàng Văn Toàn	12/01/00			225/3 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1161	Lâm Đoàn Quang Huy	03/02/81			272A tổ 24 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1162	Lê Ngọc Tâm	01/01/01			205/1 tổ 3 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1163	Lê Nguyễn Anh Tâm								

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
1163	190 Lê Thị Minh Thư								
1164	191 Lương Hữu Thịnh		10/29/75	271143232	272A tổ 24 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1165	192 Mai Thị Bích Thùy		01/01/04		256A/4 tổ 24 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1166	193 Nguyễn Bích Thủy		02/10/66	270783374	15/1 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1167	194 Nguyễn Hùng Mạnh		01/01/71		366/1 tổ 10 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1168	195 Nguyễn Hữu Côi		01/31/01		70 tổ 14A KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1169	196 Nguyễn Huy Diên		12/31/64		154C/3 tổ 11 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1170	197 Nguyễn Ngọc Hải		01/01/64	271514295	K15B tổ 15D2 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1171	198 Nguyễn Như Quỳnh		01/01/83	271619788	9 tổ 17B KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1172	199 Nguyễn Phi Hùng		01/01/95	272507165	407A KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1173	200 Nguyễn Quang Hải		02/13/83	271563637	267/4 tổ 24 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1174	201 Nguyễn Thế An		01/01/86	272011886	2/29 tổ 15C KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1175	202 Nguyễn Thị Nguyệt Nga		01/01/88		217 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1176	203 Nguyễn Thị Vân		01/01/71		433 tổ 38 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1177	204 Nguyễn Vinh Huy		08/26/91	272355914	2/29 tổ 15C kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1178	205 Phạm Bá Hùng		01/01/74	271290207	333 tổ 9 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1179	206 Phạm Thị Yến		07/25/69		B3 kp9	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1180	207 Phạm Tổ Phương		08/18/87	270746815	171/4 tổ 29A KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1181	208 Sỹ Quốc Khánh		01/01/88		14A2 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1182	209 Tạ Ngọc Yến		01/01/84	271563632	191/3 Tổ 20 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1183	210 Trần Đăng Khôi		01/01/75	271290425	138/4 tổ 29A KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1184	211 Trần Ngọc Khánh		01/01/72		A29/8 tổ 40	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1185	212 Trần Thị Bạch Nga		09/02/02		25/20 KP2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1186	213 Trần Thị Hòa Mì		01/01/81		5A/4 tổ 30 kp3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1187	214 Trần Thị Miên		01/01/82		192/18 tổ 32 KP4	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
			10/16/73	52/29 kp2	NKT đặc biệt nặng		600.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ cần cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
1188	Trần Thị Ngọc		04/03/62	280024104	61 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1189	Trần Thị Ngọc Tâm		01/01/78		195/1 Tổ 5, KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1190	Trần Vũ Bảo Ngọc		04/12/03		44A kp2	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1191	Vũ Thạch Thảo		10/05/93	272535546	354/1 KP1	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1192	Vũ Thị Thu Hằng		02/03/90		203/4 KP3	NKT đặc biệt nặng	600.000	1.500.000	
1193	Vũ Trịnh Thái Huy	01/01/94			C1C kp4	NKT đặc biệt nặng	750.000	1.500.000	
1194	Âu Quốc Phương	01/01/46		270040449	29/3 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1195	Cao Thị Quy		01/01/27	200091555	404, KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1196	Cao Văn Thức	08/12/48		270586660	35B/3 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1197	Châu Đăng	12/06/51		270122949	397/37 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1198	Chấu Sênh Zênh		08/15/39		397/9 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1199	Đào Văn Đạo	01/01/59		201087070	310 tổ 36 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1200	Đinh Thị Cúc		01/01/22		180 K4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1201	Đỗ Thị Xuân		01/01/32		131/3 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1202	Hà Thị Sừ		01/01/37	270317607	21/1 tổ 15 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1203	Hồ Thị Ám		12/10/56	270047760	129/1 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1204	Huỳnh Văn Hên	10/03/42			120/6 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1205	Kim Thị Tiên		01/01/35		53/3 tổ 21B kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1206	Lê Thị Kỳ		10/08/30	270122808	230 tổ 12 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1207	Lê Thị Sáu		01/01/35	270122918	402 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1208	Lê Văn Chót	10/30/41		270730256	416 tổ 14 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1209	Mai Thị Phiến		01/01/33	270123639	81/3 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1210	Ngô Tử Liên		01/01/35	270123442	193/3 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1211	Nguyễn Hữu Đàn	01/01/55		168564416	3576 tổ 13 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1212	Nguyễn Thị Bạch Trăn		01/01/60	270720087	22/1 tổ 13A2 Kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1213	Nguyễn Thị Cúc		05/01/39		368 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1214	Nguyễn Thị Hương		01/01/42	272544720	319/1 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1215	Nguyễn Thị Minh		10/01/37	020321824	217B/6 tổ 35 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1216	Nguyễn Thị Phúc		03/27/54	270138630	A2/3 kp3A	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1217	Nguyễn Thị Phương		01/01/43	270123250	24 tổ 39A KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1218	Nguyễn Thị Thành		01/01/41	330414421	4 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1219	Nguyễn Thị Tinh		07/18/34	270898444	20 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú	
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19		
1220	247	Nguyễn Thị Vang		01/01/32	272815779	218 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1221	248	Nguyễn Văn Nhiều	03/03/33		98/3 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000		
1222	249	Phạm Thanh Xuân	02/26/52		270089595	317 kp3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1223	250	Phạm Thị Lan		01/01/27	270138603	164/6 tổ 35 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1224	251	Phan Thị Sáu		01/01/44	270122584	343/1 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	500.000	Chết T4/2020
1225	252	Som Bê		03/30/50	271936446	195/1 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1226	253	Trần Quốc Chí	08/08/58		271921374	582A KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1227	254	Trần Thị Lan		01/01/53		61 tổ 21 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1228	255	Trần Văn Học	01/01/41		270122634	376/1 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1229	256	Trịnh Thị Minh		01/01/36	270122965	416 tổ 14 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1230	257	Trương Thị Hoa		01/01/37		374/1 kp1	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1231	258	Võ Thị Hoa		01/01/42		C38 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1232	259	Vũ Thị Cải		09/07/49	270123233	78 KP3	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1233	260	Vũ Thị Hồng		04/28/54	271138287	47/6 kp4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1234	261	Vũ Văn Lý	01/01/46		272098330	288/7 KP4	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1235	262	Vưu Thị Tâm		01/01/32	270518035	565 KP2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1236	263	Châu Ngọc Hoàng Yên		05/17/17		554 kp2	NKT đặc biệt nặng là NCT	750.000	1.500.000	
1237	264	Đào Tuấn Kiệt	03/29/07			154/1 kp1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1238	265	Dương Minh Trí	03/16/16			580A kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1239	266	Lê Ngọc Anh		07/14/07		54 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1240	267	Ngô Ngọc Khánh Vy		09/28/11		257/1 KP1	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1241	268	Nguyễn Hoàng Gia Phát	07/03/12			tổ 9 kp6	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1242	269	Nguyễn Hoàng Hải Đăng	05/23/05			357C/1 KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1243	270	Nguyễn Hữu Hoàng	01/15/09			25/56 kp2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1244	271	Nguyễn Minh Khánh	06/02/12			47/3 kp3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1245	272	Nguyễn Thanh Bình	01/01/05			77/41 KP3	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1246	273	Thiều Trí Nhân	12/26/07			12/29 tổ 39C KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1247	274	Trịnh Đình Khang	01/30/12			338/7 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1248	275	Vũ Đức Minh	10/22/07			29/29 tổ 15C KP2	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	

Stt	Họ và tên	Năm sinh		Số CMND/thẻ căn cước công dân	Địa chỉ, nơi cư trú	Đối tượng Bảo trợ xã hội	Kinh phí		Ghi chú
		Nam	Nữ				Trợ cấp BTXH	Hỗ trợ Covid-19	
1249	276	Vũ Đức Trọng	01/01/07		298 tổ 36 KP4	NKT đặc biệt nặng là trẻ em	750.000	1.500.000	
1250	277	Âu Quốc Thủy Tiên		08/14/84	547 kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1251	278	Bùi Đức Phúc	03/08/78		22B kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1252	279	Bùi Hùng Vũ	01/01/69		86/4 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1253	280	Bùi Văn Thi	01/01/90		44 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1254	281	Cao Nguyễn Tuyết Mai		01/22/01	20/1 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1255	282	Chàng A Sáng	01/01/64		126/3 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1256	283	Danh Thảo	01/01/99		Hội chữ thập đỏ p. Bình Đa	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1257	284	Đình Gia Huân	01/01/95		51/29 tổ 15C KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1258	285	Định Minh Sơn	11/28/64		18A kp2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1259	286	Định Thị Hằng		04/01/83	53/1A tổ 3 kp1	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1260	287	Đoàn Tuấn Kiệt	01/01/78		384 Tổ 37 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1261	288	Đoàn Văn Kiên	01/01/88		C16 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1262	289	Đông Loan Nữ		01/01/95	T13 A2 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1263	290	Hà Yến Nhi		08/24/87	127/4 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1264	291	Hình Phước Đông	06/10/60		350A/1 tổ 13A1 KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1265	292	Hoàng Lê Anh Tú	01/01/87		A4 tổ 15A KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1266	293	Hoàng Thị Quý		01/01/61	Tổ 36, KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1267	294	Hoàng Văn Ninh	10/25/64		223B/6 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1268	295	Hoàng Văn Vinh	01/01/67		223B/6 T34 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1269	296	Huỳnh Thanh Hà	01/01/77		54A KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1270	297	Huỳnh Thị Cẩm Hương		01/01/90	120/6 KP4	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1271	298	Lại Thị Kim Chi		01/01/94	298 tổ 23 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1272	299	Lâm Thị Điểm		08/11/63	397/13 tổ 13A KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1273	300	Lê Hoàng Trung	08/25/67		67A, KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1274	301	Lê Hồng Phương Hạ		01/01/96	108/3/2 tổ 24 KP3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1275	302	Lê Quang Hiệp	12/15/64		223H/4 kp3	NKT nặng	450.000	1.500.000	
1276	303	Lê Thị Lan		01/01/68	150 tổ 14C KP2	NKT nặng	450.000	1.500.000	